

Số: 2752/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về
phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Văn bản số 186-TB/TU ngày 30/12/2025 của Tỉnh ủy Lào Cai Thông báo
Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Văn bản số 90-KL/TU
ngày 31/12/2025 Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân định vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định phân định đồng bào dân tộc thiểu số và
miền núi, giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 69/TTr-HĐTĐ
ngày 28/12/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền
núi giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, gồm:

- 2.438 thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có 1.033 thôn
đặc biệt khó khăn;

- 95 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bao gồm 12 xã khu vực I;
36 xã khu vực II và 47 xã khu vực III

(có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi có sự chia tách, sáp nhập thôn, xã
hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền, việc rà soát, xác định và phân định vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo khoản 6, Điều 10,
Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ.

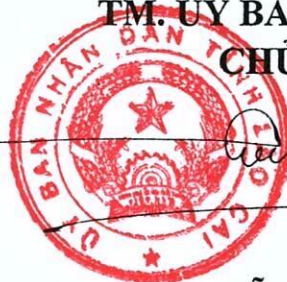
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Thủ
trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường
và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch các Phó CT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như điều 3 QĐ;
- Công TTĐT tỉnh;
- Các Phó CVP. UBND tỉnh;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, NC (Huấn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh

PHỤ LỤC I

**DANH SÁCH THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI,
THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**
(Kèm theo Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
	Tổng cộng		2.269	2.148	2.438	1.033
(1)	Xã Khao Mang		13	13	13	11
1		Thôn Trống Là	x	x	x	x
2		Thôn Trống Gầu Bua	x	x	x	x
3		Thôn Háng Đề Chu	x	x	x	
4		Thôn Trống Trờ	x	x	x	x
5		Thôn Háng Á	x	x	x	x
6		Thôn Háng Cháng Lừ	x	x	x	x
7		Thôn Háng Đề Đài	x	x	x	x
8		Thôn Thái	x	x	x	
9		Thôn Nà Dề Thàng	x	x	x	x
10		Thôn Khao Mang	x	x	x	x
11		Thôn Sáo Mả Pán	x	x	x	x
12		Thôn Háng BLa Ha A	x	x	x	x
13		Thôn Háng Bla Ha B	x	x	x	x
(2)	Xã Mù Cang Chải		22	22	22	16
1		Thôn 1	x	x	x	
2		Thôn 2	x	x	x	
3		Thôn 3	x	x	x	
4		Thôn 4	x	x	x	
5		Thôn 5	x	x	x	
6		Thôn Chế Cu Nha	x	x	x	
7		Thôn Thảo Chua Chải	x	x	x	x
8		Thôn Dề Thàng	x	x	x	x
9		Thôn Trống Tông	x	x	x	x
10		Thôn Háng Chua Xay	x	x	x	x
11		Thôn Cung 11	x	x	x	x
12		Thôn Háng Phừ Loa	x	x	x	x
13		Thôn Mồ Dề	x	x	x	x
14		Thôn Nà Háng	x	x	x	x
15		Thôn Mý Háng	x	x	x	x
16		Thôn Sáng Nhù	x	x	x	x
17		Thôn Háng Sung	x	x	x	x
18		Thôn Màng Mù	x	x	x	x
19		Thôn Đào Xa	x	x	x	x
20		Thôn La Phu Khơ	x	x	x	x
21		Thôn Háng Đẳng Dê	x	x	x	x
22		Thôn Tả Chơ	x	x	x	x
(3)	Xã Púng Luông		24	25	25	24

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
1		Thôn Hua Khắt	x	x	x	x
2		Thôn Nậm Khắt	x	x	x	x
3		Thôn Páo Khắt	x	x	x	x
4		Thôn Cáng Đông	x	x	x	x
5		Thôn Lả Khắt	x	x	x	x
6		Thôn Xua Lông	x	x	x	x
7		Thôn Làng Sang	x	x	x	x
8		Thôn Pú Cang	x	x	x	x
9		Thôn Nả Háng Tủa Chừ	x	x	x	x
10		Thôn Mý Háng Tủa Chừ	x	x	x	x
11		Thôn Púng Luông	x	x	x	x
12		Thôn Đề Chờ Chua B	x	x	x	x
13		Thôn Háng Cơ Bua	x	x	x	x
14		Thôn Nả Háng Tâu	x	x	x	x
15		Thôn Mý Háng Tâu	x	x	x	x
16		Thôn Ngã Ba Kim		x	x	
17		Thôn La Pán Tẩn	x	x	x	x
18		Thôn Trống Tông	x	x	x	x
19		Thôn Trống Páo Sang	x	x	x	x
20		Thôn Tả Chí Lừ	x	x	x	x
21		Thôn Pú Nhu Háng Sung	x	x	x	x
22		Thôn Dế Xu Phình	x	x	x	x
23		Thôn Ma Lừ Thàng	x	x	x	x
24		Thôn Phình Hồ	x	x	x	x
25		Thôn Háng Cuốn Rùa	x	x	x	x
(4)	Xã Chế Tạo		6	6	6	4
1		Thôn Chế Tạo	x	x	x	
2		Thôn Tả Đông	x	x	x	
3		Thôn Nả Háng	x	x	x	x
4		Thôn Pú Vá	x	x	x	x
5		Thôn Kể Cả	x	x	x	x
6		Thôn Háng Tày	x	x	x	x
(5)	Xã Lao Chải		14	14	14	14
1		Thôn Trống Khua	x	x	x	x
2		Thôn Hồng Nhì Pá	x	x	x	x
3		Thôn Cáng Đông	x	x	x	x
4		Thôn Háng Gàng	x	x	x	x
5		Thôn Cỏ Dề Sang A	x	x	x	x
6		Thôn Cỏ Dề Sang B	x	x	x	x
7		Thôn Tả Ghênh	x	x	x	x
8		Thôn Hủ Trù Linh	x	x	x	x
9		Thôn Đề Sùa	x	x	x	x
10		Thôn Lao Chải	x	x	x	x
11		Thôn Đào Cu Nha	x	x	x	x
12		Thôn Đào Xa	x	x	x	x
13		Thôn Xéo Dì Hồ A	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
14		Thôn Xéo Dì Hồ B	x	x	x	x
(6)			11	11	11	9
1		Thôn Có Thái	x	x	x	
2		Thôn Có Mông	x	x	x	x
3		Thôn Tu San	x	x	x	x
4		Thôn Nậm Pảng	x	x	x	x
5		Thôn Tà Ghênh	x	x	x	
6		Thôn Thào Xa Chải	x	x	x	x
7		Thôn Làng Giàng	x	x	x	x
8		Thôn Lùng Cúng	x	x	x	x
9		Thôn Háng Cơ	x	x	x	x
10		Thôn Đá Đen	x	x	x	x
11		Thôn Mú Cái Hồ	x	x	x	x
(7)	Xã Trạm Tấu		18	18	18	17
1		Thôn Tấu Trên	x	x	x	x
2		Thôn Tấu Dưới	x	x	x	x
3		Thôn Km 14+17	x	x	x	
4		Thôn Mo Nhang + Km 21	x	x	x	x
5		Thôn Tà Tàu	x	x	x	x
6		Thôn Pá Hu	x	x	x	x
7		Thôn Háng Gàng	x	x	x	x
8		Thôn Cang Đông	x	x	x	x
9		Thôn Giao Lâu	x	x	x	x
10		Thôn Háng Tây	x	x	x	x
11		Thôn Pá Lau	x	x	x	x
12		Thôn Tàng Ghênh	x	x	x	x
13		Thôn Háng Tàu	x	x	x	x
14		Thôn Pa Te	x	x	x	x
15		Thôn Làng Linh	x	x	x	x
16		Thôn Pá Khoang	x	x	x	x
17		Thôn Tổng Trong	x	x	x	x
18		Thôn Tổng Ngoài	x	x	x	x
(8)	Xã Hạnh Phúc		19	19	19	12
1		Thôn 1	x	x	x	
2		Thôn 2	x	x	x	
3		Thôn 3	x	x	x	
4		Thôn Lừu 1	x	x	x	
5		Thôn Lừu 2	x	x	x	
6		Thôn Hát 1	x	x	x	
7		Thôn Hát 2	x	x	x	
8		Thôn Sáng Pao	x	x	x	x
9		Thôn Háng Thồ	x	x	x	x
10		Thôn Khẩu Dê	x	x	x	x
11		Thôn Suối Giao	x	x	x	x
12		Thôn Háng Xê	x	x	x	x
13		Thôn Trống Khua	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
14		Thôn Tà Đẳng	x	x	x	x
15		Thôn Bản Công	x	x	x	x
16		Thôn Tà Xùa	x	x	x	x
17		Thôn Sán Trá	x	x	x	x
18		Thôn Kháo Chu	x	x	x	x
19		Thôn Tà Chừ	x	x	x	x
(9)	Xã Phình Hồ		15	15	15	15
1		Thôn Păng Dê	x	x	x	x
2		Thôn Khẩu lý	x	x	x	x
3		Thôn Mù Thấp	x	x	x	x
4		Thôn Mùa Cao	x	x	x	x
5		Thôn Tà Ghênh	x	x	x	x
6		Thôn Giàng La Pán	x	x	x	x
7		Thôn Háng Chi Mua	x	x	x	x
8		Thôn Tà Chừ	x	x	x	x
9		Thôn Chí Lư	x	x	x	x
10		Thôn Suối Xuân	x	x	x	x
11		Thôn Làng Nhì	x	x	x	x
12		Thôn Đề Chơ	x	x	x	x
13		Thôn Tà Chơ	x	x	x	x
14		Thôn Chổng Tàu	x	x	x	x
15		Thôn Háng Đay	x	x	x	x
(10)	Xã Tà Xi Láng		5	5	5	5
1		Thôn Làng Mảnh	x	x	x	x
2		Thôn Tà Cao	x	x	x	x
3		Thôn Xá Nhù	x	x	x	x
4		Thôn Chổng Chùa	x	x	x	x
5		Thôn Tà Đẳng	x	x	x	x
(11)	Xã Liên Sơn		17	20	20	1
1		Thôn Ả Hạ	x	x	x	
2		Thôn Ả Thượng	x	x	x	
3		Thôn Pá Làng	x	x	x	
4		Thôn bản Pưn	x	x	x	
5		Thôn bản Bay	x	x	x	x
6		Thôn bản Cóc	x	x	x	
7		Thôn bản Viêng	x	x	x	
8		Thôn bản Văn	x	x	x	
9		Thôn Ao Luông	x	x	x	
10		Thôn Đoàn Kết	x	x	x	
11		Thôn Gốc Bực	x	x	x	
12		Thôn Co Cọi	x	x	x	
13		Thôn bản Cai	x	x	x	
14		Thôn 1		x	x	
15		Thôn 2	x	x	x	
16		Thôn 3	x	x	x	
17		Thôn 4	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
18		Thôn 5	x	x	x	
19		Thôn 6		x	x	
20		Thôn 7		x	x	
(12)			35	35	35	6
1		Tổ dân phố 1	x	x	x	
2		Tổ dân phố 2	x	x	x	
3		Tổ dân phố 3	x	x	x	
4		Tổ dân phố 4	x	x	x	
5		Tổ dân phố 5	x	x	x	
6		Tổ dân phố 6	x	x	x	
7		Tổ dân phố 7	x	x	x	
8		Tổ dân phố 8	x	x	x	
9		Tổ dân phố 9	x	x	x	
10		Tổ dân phố 10	x	x	x	
11		Tổ dân phố 11	x	x	x	
12		Tổ dân phố 12	x	x	x	
13		Tổ dân phố 13	x	x	x	
14		TDP Tông Co 1	x	x	x	
15		TDP Tông Co 2	x	x	x	
16		TDP Tông Co 3	x	x	x	
17		TDP Tông Pọng	x	x	x	
18		TDP Ao Sen 1	x	x	x	
19		TDP Ao Sen 2	x	x	x	
20		TDP Bản Vệ	x	x	x	
21		TDP Đâu 1	x	x	x	
22		TDP Đâu 2	x	x	x	
23		TDP Đâu 3	x	x	x	
24		TDP Đâu 4	x	x	x	
25		TDP Nậm Đông 1	x	x	x	
26		TDP Nậm Đông 2	x	x	x	x
27		TDP Bản Nồng	x	x	x	
28		TDP Bản Nọng	x	x	x	
29		TDP Bản Tân	x	x	x	x
30		TDP Bản Ten	x	x	x	
31		TDP Bản Ngoa	x	x	x	x
32		TDP Nậm Tộc	x	x	x	x
33		TDP Bản Lọng	x	x	x	x
34		TDP Bản Bẻ	x	x	x	x
35		TDP Noong Khoang	x	x	x	
(13)	Phường Trung Tâm		37	46	46	1
1		Tổ dân phố 01	x	x	x	
2		Tổ dân phố 02	x	x	x	
3		Tổ dân phố 03	x	x	x	
4		Tổ dân phố 04	x	x	x	
5		Tổ dân phố 05	x	x	x	
6		Tổ dân phố 06	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
7		Tổ dân phố 07	x	x	x	
8		Tổ dân phố 08	x	x	x	
9		Tổ dân phố 09	x	x	x	
10		Tổ dân phố 11	x	x	x	
11		Tổ dân phố 12	x	x	x	
12		Tổ dân phố 14		x	x	
13		Tổ dân phố 15		x	x	
14		Tổ dân phố 16		x	x	
15		Tổ dân phố 17		x	x	
16		Tổ dân phố 18		x	x	
17		Tổ dân phố 19		x	x	
18		Tổ dân phố 20		x	x	
19		Tổ dân phố 21		x	x	
20		Tổ dân phố 22		x	x	
21		Tổ dân phố Bàn Lè	x	x	x	
22		Tổ dân phố Pá Khết	x	x	x	
23		Tổ dân phố Cang Nà	x	x	x	
24		Tổ dân phố Sà Rền	x	x	x	
25		Tổ dân phố Phán Thượng	x	x	x	
26		Tổ dân phố Nà Làng	x	x	x	
27		Tổ dân phố Xa	x	x	x	
28		Tổ dân phố Sang Đóm	x	x	x	
29		Tổ dân phố Sang Thái	x	x	x	
30		Tổ dân phố Sang Hán	x	x	x	
31		Tổ dân phố Chao Hạ 01	x	x	x	
32		Tổ dân phố Chao Hạ 02	x	x	x	
33		Tổ dân phố Nam Hân	x	x	x	
34		Tổ dân phố Năm Hân	x	x	x	
35		Tổ dân phố Cầu Thia	x	x	x	
36		Tổ dân phố Lọng	x	x	x	
37		Tổ dân phố Pá Xôm	x	x	x	
38		Tổ dân phố Ta Tiu	x	x	x	
39		Tổ dân phố Chanh	x	x	x	
40		Tổ dân phố Quân	x	x	x	
41		Tổ dân phố Suối Đao	x	x	x	
42		Tổ dân phố Ổ	x	x	x	
43		Tổ dân phố Phù Ninh	x	x	x	
44		Tổ dân phố Nong	x	x	x	
45		Tổ dân phố Cốc Cù	x	x	x	
46		Tổ dân phố Suối Quê	x	x	x	x
(14)	Phường Cầu Thia		39	39	39	12
1		TDP Bàn Có	x	x	x	x
2		TDP Nậm Tăng	x	x	x	x
3		TDP Hà Khem	x	x	x	x
4		TDP Nà Ban	x	x	x	x
5		TDP Nà Đường	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
6		TDP Co Há	x	x	x	x
7		TDP Nậm Tọ	x	x	x	
8		TDP Bản Bát	x	x	x	
9		TDP Bản Khinh	x	x	x	
10		TDP Bản Lý	x	x	x	
11		TDP Khá Thượng	x	x	x	
12		TDP Khá Hạ	x	x	x	
13		TDP Đồng Lơi	x	x	x	
14		TDP Bản Lào	x	x	x	
15		TDP Điệp Quang	x	x	x	x
16		TDP Nang Phai	x	x	x	
17		TDP Bản Ngoa	x	x	x	
18		TDP Lụ 1	x	x	x	
19		TDP Lụ 2	x	x	x	
20		TDP Bản Muông	x	x	x	
21		TDP Bản Hán	x	x	x	x
22		TDP Bản Lanh	x	x	x	
23		TDP Bản Thón	x	x	x	
24		TDP Bản Lốm	x	x	x	
25		TDP Bản Mớ	x	x	x	
26		TDP Viêng Công	x	x	x	x
27		TDP Mường Chà	x	x	x	x
28		TDP Phai Lò	x	x	x	
29		TDP An Sơn	x	x	x	
30		TDP Bản Phiêng	x	x	x	
31		TDP Bản Đường	x	x	x	
32		TDP Đình Cại	x	x	x	x
33		TDP Bản Tào	x	x	x	x
34		Tổ dân phố 2	x	x	x	
35		Tổ dân phố 3	x	x	x	
36		Tổ dân phố 4	x	x	x	
37		Tổ dân phố 5	x	x	x	
38		Tổ dân phố 6	x	x	x	
39		Tổ dân phố 7	x	x	x	
(15)	Xã Tú Lệ		16	16	16	6
1		Thôn Tà Chơ	x	x	x	x
2		Thôn Tà Sung	x	x	x	
3		Thôn Sẻ Sáng	x	x	x	x
4		Thôn Lìm Mông	x	x	x	x
5		Thôn Lìm Thái	x	x	x	
6		Thôn Tà Đông	x	x	x	x
7		Thôn Kháo Nhà	x	x	x	x
8		Thôn Búng Sỏm	x	x	x	
9		Thôn Phạ Trên	x	x	x	
10		Thôn Phạ Dưới	x	x	x	
11		Thôn Nà Lóng	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
12		Thôn Pom Lán	x	x	x	
13		Thôn Bàn Côm	x	x	x	
14		Thôn Bàn Chao	x	x	x	
15		Thôn Nước Nóng	x	x	x	x
16		Thôn Mạ Tun	x	x	x	
(16)	Xã Gia Hội		20	20	20	9
1		Thôn Bàn Đôn	x	x	x	
2		Thôn Nà Kề	x	x	x	
3		Thôn Chiềng Păn 1	x	x	x	x
4		Thôn Chiềng Păn 2	x	x	x	x
5		Thôn Bàn Van	x	x	x	
6		Thôn Đồng Bú	x	x	x	
7		Thôn Minh Nội	x	x	x	x
8		Thôn Nam Vai	x	x	x	
9		Thôn Hải Chấn	x	x	x	
10		Thôn Giàng Cài	x	x	x	
11		Thôn Tà Lành	x	x	x	x
12		Thôn Tặc Tề	x	x	x	x
13		Thôn Nậm Kíp	x	x	x	
14		Thôn Tộc Cài	x	x	x	x
15		Thôn Sài Lương	x	x	x	x
16		Thôn Chấn Hưng	x	x	x	
17		Thôn Trung Tâm	x	x	x	
18		Thôn Nậm Pươi	x	x	x	
19		Thôn Nậm Chậu	x	x	x	x
20		Thôn Nậm Cườm	x	x	x	x
(17)	Xã Sơn Lương		23	23	23	20
1		Thôn Nậm Mười	x	x	x	x
2		Thôn Háo Pành	x	x	x	x
3		Thôn Nậm Biều	x	x	x	x
4		Thôn Làng Cò	x	x	x	x
5		Thôn Liên Suu	x	x	x	x
6		Thôn Ngã Hai	x	x	x	x
7		Thôn Khe Trang	x	x	x	x
8		Thôn Ngã Ba	x	x	x	x
9		Thôn Nà Nọi	x	x	x	x
10		Thôn Sùng Đô	x	x	x	x
11		Thôn Giàng Pằng	x	x	x	x
12		Thôn Làng Mảnh	x	x	x	x
13		Thôn Vàng Ngần	x	x	x	x
14		Thôn Thắm Có	x	x	x	x
15		Thôn Suối Quyền	x	x	x	x
16		Thôn Suối Bắc	x	x	x	x
17		Thôn Suối Bó	x	x	x	x
18		Thôn Bàn Mười	x	x	x	
19		Thôn Bàn Giếng	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
20		Thôn Bản Lắm	x	x	x	
21		Thôn Nà La	x	x	x	x
22		Thôn Bản Tú	x	x	x	x
23		Thôn Tành Hanh	x	x	x	x
(18)	Xã Văn Chấn		36	36	36	15
1		Thôn Ao Sen	x	x	x	
2		Thôn Bản Hộc	x	x	x	
3		Thôn Bản Tạo	x	x	x	
4		Thôn Đồng Sặt	x	x	x	
5		Thôn Gốc Báng	x	x	x	
6		Thôn Minh Đồng	x	x	x	
7		Thôn Nà Trăm	x	x	x	
8		Thôn Thác Vác	x	x	x	
9		Thôn Đồng Khê	x	x	x	
10		Thôn Văn Tứ	x	x	x	
11		Thôn Bu Cao	x	x	x	x
12		Thôn Suối Bu	x	x	x	x
13		Thôn Làng Hua	x	x	x	x
14		Thôn Ba Cầu	x	x	x	x
15		Thôn Giàng A	x	x	x	x
16		Thôn Suối Giàng	x	x	x	x
17		Thôn Kang Kỳ	x	x	x	x
18		Thôn Bản Mới	x	x	x	x
19		Thôn Pang Cáng	x	x	x	x
20		Thôn Suối Lóp	x	x	x	x
21		Thôn Tập Lãng	x	x	x	x
22		Thôn Suối Khoáng	x	x	x	x
23		Thôn An Thịnh	x	x	x	
24		Thôn Đồng Ban	x	x	x	x
25		Thôn Hà Thịnh	x	x	x	
26		Thôn Hồng Sơn	x	x	x	
27		Thôn Phiêng 1	x	x	x	
28		Thôn Phiêng 2	x	x	x	
29		Thôn Sơn Lệnh	x	x	x	x
30		Thôn Sơn Lọng	x	x	x	
31		Thôn Thác Hoa 2	x	x	x	
32		Thôn Thác Hoa 3	x	x	x	
33		Thôn Thác Hoa	x	x	x	
34		Thôn Sơn Thịnh	x	x	x	
35		Thôn Văn Thi 3	x	x	x	
36		Thôn Văn Thi 4	x	x	x	x
(19)	Xã Thượng Bằng La		13	23	23	7
1		Thôn Trần Phú	x	x	x	
2		Thôn 2	x	x	x	
3		Thôn 3		x	x	
4		Thôn 7		x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
5		Thôn 9		x	x	
6		Thôn 10		x	x	
7		Thôn 19/5		x	x	x
8		Thôn Nhà Máy		x	x	
9		Thôn Yên Hưng		x	x	
10		Thôn Văn Tiên		x	x	
11		Thôn Dạ	x	x	x	x
12		Thôn Đá Đỏ		x	x	x
13		Thôn Mỏ	x	x	x	
14		Thôn Bắc	x	x	x	
15		Thôn Trung Tâm	x	x	x	x
16		Thôn Vầm	x	x	x	x
17		Thôn Hán	x	x	x	
18		Thôn Cướm	x	x	x	
19		Thôn Thiên Bửu	x	x	x	
20		Thôn Thắm		x	x	
21		Thôn Nông Trường		x	x	x
22		Thôn Noong Tãi	x	x	x	
23		Thôn Muồng	x	x	x	
(20)	Xã Chấn Thịnh		34	25	34	7
1		Thôn Chùa 1	x		x	
2		Thôn Chùa 2	x		x	
3		Thôn Lạn	x		x	
4		Thôn Dầy 1	x	x	x	x
5		Thôn Dầy 2	x	x	x	
6		Thôn Kiến Thịnh 1	x		x	
7		Thôn Kiến Thịnh 2	x		x	
8		Thôn Vũ Thịnh	x		x	
9		Thôn Bò	x	x	x	x
10		Thôn Bò 3	x		x	
11		Thôn Ao Lay	x	x	x	x
12		Thôn Dù	x	x	x	
13		Thôn Cao 1	x	x	x	x
14		Thôn Cao 2	x		x	
15		Thôn Ngõa	x	x	x	
16		Thôn Đất Quang	x	x	x	
17		Thôn Khe Hà	x	x	x	
18		Thôn Đồng Then	x	x	x	x
19		Thôn Đồng Quéo	x	x	x	
20		Thôn Đồng Mận	x	x	x	
21		Thôn Đồng Bần	x	x	x	
22		Thôn Khe Sừng	x	x	x	
23		Thôn Khe Nhừ	x	x	x	x
24		Thôn Tó	x	x	x	
25		Thôn Tân Phương	x		x	
26		Thôn Mỹ	x			

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
27		Thôn Trung Tâm	x	x	x	
28		Thôn Thanh Tú	x	x	x	
29		Thôn Bằng Là 2	x	x	x	
30		Thôn Bằng Là 1	x	x	x	
31		Thôn Khe Mơ	x	x	x	x
32		Thôn Kè	x	x	x	
33		Thôn Khe Đồng	x	x	x	
34		Thôn Lường	x	x	x	
(21)	Xã Nghĩa Tâm		31	31	31	15
1		Thôn Khe Phứa	x	x	x	
2		Thôn An Thái	x	x	x	
3		Thôn An Hợp	x	x	x	
4		Thôn Tân An	x	x	x	x
5		Thôn Đồng Quế	x	x	x	x
6		Thôn Đồng Thập	x	x	x	x
7		Thôn Liên Thành	x	x	x	x
8		Thôn Diêm	x	x	x	x
9		Thôn Hải Tâm	x	x	x	
10		Thôn Phào	x	x	x	
11		Thôn Hợp Nhất	x	x	x	
12		Thôn Tỉnh Luát	x	x	x	x
13		Thôn Duyên Đồng	x	x	x	x
14		Thôn Tiên Đồng	x	x	x	
15		Thôn Khe Tho	x	x	x	
16		Thôn Tho	x	x	x	
17		Thôn Khe Chì	x	x	x	
18		Thôn Nghĩa Hùng	x	x	x	
19		Thôn Nghĩa Hưng	x	x	x	
20		Thôn Nghĩa Lập Cọ	x	x	x	
21		Thôn Duông	x	x	x	x
22		Thôn Kiến Rịa	x	x	x	
23		Thôn Đất Tờ	x	x	x	
24		Thôn Trung Tâm	x	x	x	x
25		Thôn Chiềng	x	x	x	x
26		Thôn Đồng Hảo	x	x	x	x
27		Thôn Buông	x	x	x	
28		Thôn Quăn	x	x	x	x
29		Thôn Quăn 4	x	x	x	x
30		Thôn Rẹ 1	x	x	x	x
31		Thôn Rẹ 2	x	x	x	x
(22)	Xã Cát Thịnh		14	17	17	6
1		Thôn Pín Pé	x	x	x	x
2		Thôn Khe Đắc	x	x	x	
3		Thôn Hùng Thịnh		x	x	
4		Thôn Ba Khe	x	x	x	
5		Thôn Khe Kẹn	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
6		Thôn Văn Hưng		x	x	
7		Thôn Đá Gân	x	x	x	
8		Thôn Ba Chum	x	x	x	x
9		Thôn Ngã Ba	x	x	x	
10		Thôn Khe Ba	x	x	x	
11		Thôn Vực Tuấn	x	x	x	
12		Thôn Đồng Hèo	x	x	x	x
13		Thôn Làng Ca	x	x	x	x
14		Thôn Làng Lao	x	x	x	x
15		Thôn Khe Địa	x	x	x	
16		Thôn Văn Hòa		x	x	
17		Thôn Khe Nước	x	x	x	
(23)	Xã Phong Dụ Hạ		10	10	10	4
1		Thôn Trung Tâm	x	x	x	
2		Thôn Khe Chung	x	x	x	
3		Thôn Khe Đóm	x	x	x	x
4		Thôn Khe Lép	x	x	x	x
5		Thôn Ngàn Vằng	x	x	x	
6		Thôn Lắc Mường	x	x	x	
7		Thôn Khe Lầu	x	x	x	
8		Thôn Khe Kìa	x	x	x	x
9		Thôn Làng Cang	x	x	x	
10		Thôn Khe Hao	x	x	x	x
(24)	Xã Châu Quế		14	16	16	2
1		Thôn Nhèo	x	x	x	
2		Thôn Hạ Lý	x	x	x	
3		Thôn Khe Bành	x	x	x	
4		Thôn Phát	x	x	x	
5		Thôn Khe Pháo	x	x	x	
6		Thôn Pha Trạc	x	x	x	
7		Thôn Bản Tát	x	x	x	
8		Thôn Nhược	x	x	x	
9		Thôn Mộ	x	x	x	
10		Thôn Đồng Tâm	x	x	x	
11		Thôn Ngòi Lèn		x	x	
12		Thôn Ngòi Lầu		x	x	
13		Thôn Trạng Xô	x	x	x	
14		Thôn Ngòi Nhầy	x	x	x	
15		Thôn Khe Sán	x	x	x	x
16		Thôn Ao Éch	x	x	x	x
(25)	Xã Lâm Giang		11	16	16	5
1		Thôn Trục Ngoài	x	x	x	x
2		Thôn Trục Trong	x	x	x	x
3		Thôn Khe Bút	x	x	x	
4		Thôn Ngũ Lâm		x	x	
5		Thôn Hợp Lâm		x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
6		Thôn Khay Đạo	x	x	x	x
7		Thôn Ngòi Cài	x	x	x	
8		Thôn Bùn Đạo	x	x	x	x
9		Thôn Làng Đàm	x	x	x	
10		Thôn Liên Sơn	x	x	x	
11		Thôn Thấp Đạo	x	x	x	x
12		Thôn Tiền Phong		x	x	
13		Thôn Nghĩa Dũng		x	x	
14		Thôn Ly	x	x	x	
15		Thôn Nghĩa Giang		x	x	
16		Thôn Bo	x	x	x	
(26)	Xã Đông Cường		17	8	17	0
1		Thôn Sặt Ngọt	x		x	
2		Thôn Bến Đền	x		x	
3		Thôn Trung Tâm	x		x	
4		Thôn Khe Chàm	x		x	
5		Thôn Góc Quân	x		x	
6		Thôn Thác Cái	x		x	
7		Thôn Sài Lương	x		x	
8		Thôn Khe Trang	x	x	x	
9		Thôn Khe Rỗng	x	x	x	
10		Thôn Trà	x	x	x	
11		Thôn Khe Cạn	x		x	
12		Thôn Khe Gai	x	x	x	
13		Thôn Đập Dóm	x		x	
14		Thôn Khe Ván	x	x	x	
15		Thôn Khe Giềng	x	x	x	
16		Thôn Khe Tăng	x	x	x	
17		Thôn Minh Khai	x	x	x	
(27)	Xã Tân Hợp		14	14	14	6
1		Thôn Ghềnh Ngai	x	x	x	
2		Thôn Khe Dệt	x	x	x	
3		Thôn Góc Gạo	x	x	x	
4		Thôn Đá Bia	x	x	x	
5		Thôn Làng Câu	x	x	x	
6		Thôn Hạnh Phúc	x	x	x	
7		Thôn Bàn Tát	x	x	x	x
8		Thôn Nà Hẩu	x	x	x	x
9		Thôn Ba Khuy	x	x	x	x
10		Thôn Đoàn Kết	x	x	x	
11		Thôn Đại Sơn	x	x	x	
12		Thôn Khe Phầy	x	x	x	x
13		Thôn Đá Đứng	x	x	x	x
14		Thôn Làng Bang	x	x	x	x
(28)	Xã Mậu A		17	41	41	0
1		Thôn Cầu A 1		x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
2		Thôn Gốc Sỏ		x	x	
3		Thôn Ga Nhâm		x	x	
4		Thôn Phú Cường		x	x	
5		Thôn Văn Yên		x	x	
6		Thôn Hồng Phong		x	x	
7		Thôn Gốc Đa		x	x	
8		Thôn Quyết Thắng		x	x	
9		Thôn Lâm Trường		x	x	
10		Thôn Hồng Hà		x	x	
11		Thôn Quyết Tiến		x	x	
12		Thôn Làng Quạch	x	x	x	
13		Thôn Ngòi A	x	x	x	
14		Thôn Vầu Sơn	x	x	x	
15		Thôn Liên Hiệp	x	x	x	
16		Thôn Đoàn Kết 1	x	x	x	
17		Thôn An Hoà		x	x	
18		Thôn Đại An		x	x	
19		Thôn Cồng Trào		x	x	
20		Thôn Đồng Tâm		x	x	
21		Thôn An Thịnh	x	x	x	
22		Thôn Tân Thịnh		x	x	
23		Thôn Khe Cỏ	x	x	x	
24		Thôn An Phú	x	x	x	
25		Thôn Làng Lớn	x	x	x	
26		Thôn Làng Chẹo		x	x	
27		Thôn Làng Cau	x	x	x	
28		Thôn Cầu Khai		x	x	
29		Thôn Cầu Vải		x	x	
30		Thôn Ngọn Ngòi	x	x	x	
31		Thôn Đoàn Kết 2		x	x	
32		Thôn Cầu Quạch		x	x	
33		Thôn Cầu A 2		x	x	
34		Thôn Gốc Nhội		x	x	
35		Thôn Phố Nhoi		x	x	
36		Thôn Yên Hưng	x	x	x	
37		Thôn Khe Bón	x	x	x	
38		Thôn Quế Trong	x	x	x	
39		Thôn Yên Thái	x	x	x	
40		Thôn Trạng	x	x	x	
41		Thôn Tân Thành	x	x	x	
(29)	Xã Xuân Ái		13	26	28	0
1		Thôn Trung Tâm		x	x	
2		Thôn Ngòi Viễn		x	x	
3		Thôn Sông Hồng		x	x	
4		Thôn Đoàn Kết	x	x	x	
5		Thôn Quyết Hùng		x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
6		Thôn Nghĩa Lạc		X	X	
7		Thôn Quyết Tiến	X	X	X	
8		Thôn Phú Thôn	X	X	X	
9		Thôn Yên Sơn		X	X	
10		Thôn Phú Sơn		X	X	
11		Thôn Yên Phú	X		X	
12		Thôn Yên Tiên		X	X	
13		Thôn Giàn Khế	X	X	X	
14		Thôn Khe Dứa	X	X	X	
15		Thôn Khe Lợ	X	X	X	
16		Thôn Khe Quế	X		X	
17		Thôn Tháp Con	X	X	X	
18		Thôn Tháp Cái	X	X	X	
19		Thôn Đại Phác	X	X	X	
20		Thôn Đại Thắng	X	X	X	
21		Thôn Tân Thành		X	X	
22		Thôn Tân An		X	X	
23		Thôn Phúc Thành		X	X	
24		Thôn Thống Nhất		X	X	
25		Thôn Yên Thành		X	X	
26		Thôn Yên Dũng		X	X	
27		Thôn Yên Hòa	X	X	X	
28		Thôn Yên Thịnh		X	X	
(30)	Xã Mô Vàng		16	16	16	14
1		Thôn An Lương	X	X	X	X
2		Thôn Mắm	X	X	X	X
3		Thôn Suối Dầm	X	X	X	X
4		Thôn Khe Cánh	X	X	X	X
5		Thôn Khe Trầu	X	X	X	X
6		Thôn Tặng Chan	X	X	X	X
7		Thôn Sài Lương 1	X	X	X	X
8		Thôn Sài Lương 2	X	X	X	X
9		Thôn Sài Lương 3	X	X	X	X
10		Thôn Giàn Dầu	X	X	X	X
11		Thôn Trung Tâm	X	X	X	
12		Thôn Thác Tiên	X	X	X	
13		Thôn Khe Hóp	X	X	X	X
14		Thôn Khe Đâm	X	X	X	X
15		Thôn Khe Lóng 2	X	X	X	X
16		Thôn Khe Lóng 3	X	X	X	X
(31)	Phong Dụ Thượng		8	8	8	3
1		Thôn Làng Chạng	X	X	X	
2		Thôn Cao Sơn	X	X	X	
3		Thôn Thượng Sơn	X	X	X	
4		Thôn Khe Mạg	X	X	X	X
5		Thôn Khe Tấu	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
6		Thôn Khe Dệt	x	x	x	x
7		Thôn Bản Lùng	x	x	x	
8		Thôn Làng Than	x	x	x	
(32)	Xã Lâm Thượng		30	31	31	11
1		Thôn Khéo Lặng	x	x	x	
2		Thôn Tông Páng	x	x	x	
3		Thôn Tông Pinh Cại	x	x	x	
4		Thôn Nặm Chấn	x	x	x	x
5		Thôn Hìn Lạn	x	x	x	x
6		Thôn Thâm Pát	x	x	x	x
7		Thôn Chang Pồng	x	x	x	
8		Thôn Nà Kèn - Nặm Trọ	x	x	x	x
9		Thôn Bẻ Chỏi	x	x	x	x
10		Thôn Bản Muối	x	x	x	
11		Thôn Nà Lay	x	x	x	x
12		Thôn Khe Phay		x	x	
13		Thôn Nà Bó	x	x	x	
14		Thôn Thôn Co	x	x	x	
15		Thôn Làng Giầu	x	x	x	
16		Thôn Nà Luồng	x	x	x	x
17		Thôn Tông Áng	x	x	x	
18		Thôn Tông Mộ	x	x	x	x
19		Thôn Tông Luồng	x	x	x	
20		Thôn Sơn Hạ	x	x	x	
21		Thôn Sơn Đông	x	x	x	
22		Thôn Sơn Nam	x	x	x	
23		Thôn Sơn Trung	x	x	x	
24		Thôn Sơn Bắc	x	x	x	
25		Thôn Sơn Tây	x	x	x	
26		Thôn Sơn Thượng	x	x	x	
27		Thôn Lũng Cọ	x	x	x	
28		Thôn Bó Mi	x	x	x	x
29		Thôn Khe Pháo	x	x	x	x
30		Thôn Khe Bín	x	x	x	
31		Thôn Khiểng Khun	x	x	x	x
(33)	Xã Lục Yên		44	44	44	0
1		Thôn 1	x	x	x	
2		Thôn 2	x	x	x	
3		Thôn 3	x	x	x	
4		Thôn 4	x	x	x	
5		Thôn 5	x	x	x	
6		Thôn 6	x	x	x	
7		Thôn 7	x	x	x	
8		Thôn 8	x	x	x	
9		Thôn 9	x	x	x	
10		Thôn 10	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
11		Thôn 11	x	x	x	
12		Thôn 12	x	x	x	
13		Thôn 13	x	x	x	
14		Thôn Tân Quang	x	x	x	
15		Thôn Đồng Tâm	x	x	x	
16		Thôn Tiên Phong	x	x	x	
17		Thôn Cây Mơ	x	x	x	
18		Thôn Cây Thị	x	x	x	
19		Thôn Nà Nọi	x	x	x	
20		Thôn Chính Quân	x	x	x	
21		Thôn Cốc Bó	x	x	x	
22		Thôn Ngòi Kèn	x	x	x	
23		Thôn Ngòi Tàu	x	x	x	
24		Thôn Nà Khả	x	x	x	
25		Thôn Loong Tra	x	x	x	
26		Thôn Kéo Quạng	x	x	x	
27		Thôn Kiên Cổ	x	x	x	
28		Thôn Nà Tạng	x	x	x	
29		Thôn Nà Vải	x	x	x	
30		Thôn Yên Thượng	x	x	x	
31		Thôn Xuân Yên	x	x	x	
32		Thôn Tông Cùm	x	x	x	
33		Thôn Ngòi Vặc	x	x	x	
34		Thôn Trang Thành	x	x	x	
35		Thôn Trần Phú	x	x	x	
36		Thôn Tông Rạng	x	x	x	
37		Thôn Át Thượng	x	x	x	
38		Thôn Làng Thọc	x	x	x	
39		Thôn Đồng Cáy	x	x	x	
40		Thôn Nà Khao	x	x	x	
41		Thôn Làng Phạ	x	x	x	
42		Thôn Thâm Pồng	x	x	x	
43		Thôn Làng Già	x	x	x	
44		Thôn Hín Lò	x	x	x	
(34)	Xã Tân Lĩnh		29	29	29	13
1		thôn Khánh Trong	x	x	x	x
2		thôn Khánh Trung	x	x	x	
3		thôn Khánh Ngoài	x	x	x	
4		thôn Khau Nàng	x	x	x	x
5		thôn Nà Mác	x	x	x	
6		thôn Giáp Cang	x	x	x	
7		thôn Giáp Luồng	x	x	x	x
8		thôn Sào	x	x	x	
9		thôn Xiêng 1	x	x	x	x
10		thôn Xiêng 2	x	x	x	x
11		thôn Ao Sen Lũng	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
12		thôn Úc	x	x	x	
13		thôn Cát	x	x	x	x
14		thôn Hạ Giang	x	x	x	x
15		thôn Năn Kề	x	x	x	x
16		thôn Rầu Chang	x	x	x	
17		thôn Thủy Văn	x	x	x	x
18		thôn Hốc Xả	x	x	x	
19		thôn Ro	x	x	x	
20		thôn 1	x	x	x	
21		thôn 2	x	x	x	
22		thôn 3	x	x	x	
23		thôn 4	x	x	x	
24		thôn 5	x	x	x	x
25		thôn 6	x	x	x	x
26		thôn 7	x	x	x	x
27		thôn 8	x	x	x	x
28		thôn 9	x	x	x	
29		thôn Trung Tâm	x	x	x	5
(35)	Xã Khánh Hòa		30	30	30	
1		Thôn 1	x	x	x	
2		Thôn 2	x	x	x	
3		Thôn 3	x	x	x	x
4		Thôn 4	x	x	x	
5		Thôn 5	x	x	x	
6		Thôn 6	x	x	x	
7		Thôn 7	x	x	x	
8		Thôn 8	x	x	x	
9		Thôn 9	x	x	x	x
10		Thôn 10	x	x	x	
11		Thôn 11	x	x	x	x
12		Thôn 12	x	x	x	
13		Thôn 13	x	x	x	
14		Thôn Kim Long	x	x	x	
15		Thôn Làng Chạp	x	x	x	x
16		Thôn Khe Pẩn	x	x	x	
17		Thôn Làng Khương	x	x	x	
18		Thôn Làng Nộc	x	x	x	
19		Thôn Khe Chung	x	x	x	
20		Thôn Tát Diêu	x	x	x	x
21		Thôn Làng Đung	x	x	x	
22		Thôn Cửa Hốc	x	x	x	
23		Thôn Làng Hốc	x	x	x	
24		Thôn Làng Chã	x	x	x	
25		Thôn Hàm Rồng	x	x	x	
26		Thôn Ngòi Thắm	x	x	x	
27		Thôn Trung Tâm	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
28		Thôn Làng Mường	x	x	x	
29		Thôn Quyết Thắng	x	x	x	
30		Thôn Ngòi Chang	x	x	x	
(36)		Xã Phúc Lợi	25	25	25	12
1		Thôn Nà Hiên	x	x	x	
2		Thôn Bản Lạn	x	x	x	
3		Thôn Bản Chang	x	x	x	
4		Thôn Bản Pạu	x	x	x	
5		Thôn Bản Riêng	x	x	x	
6		Thôn Trung Tâm	x	x	x	
7		Thôn 1 Túc	x	x	x	x
8		Thôn 2 Túc	x	x	x	
9		Thôn 3 Túc	x	x	x	x
10		Thôn 1 Vàn	x	x	x	x
11		Thôn 2 Vàn	x	x	x	
12		Thôn 3 Vàn	x	x	x	x
13		Thôn 4 Vàn	x	x	x	x
14		Thôn 1 Thuồng	x	x	x	
15		Thôn 2 Thuồng	x	x	x	x
16		Thôn 3 Thuồng	x	x	x	x
17		Thôn 4 Thuồng	x	x	x	x
18		Thôn Sài Lớn	x	x	x	
19		Thôn Khe Lạnh	x	x	x	x
20		Thôn Làng Thịu	x	x	x	
21		Thôn Khe Sài	x	x	x	
22		Thôn Gốc Sâm	x	x	x	x
23		Thôn Làng Đất	x	x	x	
24		Thôn Ngòi Thịu	x	x	x	x
25		Thôn Khe Hùm	x	x	x	x
(37)	Xã Mường Lai		36	15	36	1
1		Thôn Đồng Dân	x	x	x	
2		Thôn Khau Ca	x	x	x	
3		Thôn Khau Vi	x	x	x	
4		Thôn Mỏ Cao	x	x	x	
5		Thôn Nà Lại	x	x	x	
6		Thôn Khau Sén	x	x	x	
7		Thôn Cao Khánh	x	x	x	
8		Thôn Khau Nghiêm	x	x	x	
9		Thôn Tổng Táng	x		x	
10		Thôn Làng Sảo	x		x	
11		Thôn Khau Dự	x	x	x	
12		Thôn Khau Phá	x		x	
13		Thôn Khuân Pục	x		x	
14		Thôn Làng Ven	x	x	x	x
15		Thôn Làng Quị	x		x	
16		Thôn Minh Thành	x		x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
17		Thôn Trang	x		x	
18		Thôn 1	x	x	x	
19		Thôn 2	x	x	x	
20		Thôn 3	x		x	
21		Thôn 4	x		x	
22		Thôn 5	x		x	
23		Thôn 6	x		x	
24		Thôn 7	x		x	
25		Thôn 8	x		x	
26		Thôn 9	x		x	
27		Thôn 10	x	x	x	
28		Thôn 11	x		x	
29		Thôn 12	x		x	
30		Thôn Yên Phú	x		x	
31		Thôn Yên Thịnh	x		x	
32		Thôn Trung Tâm	x		x	
33		Thôn Bến Muồm	x	x	x	
34		Thôn Pù Thạo	x	x	x	
35		Thôn Vĩnh Đông	x		x	
36		Thôn Đồng Thành	x		x	
(38)	Xã Cẩm Nhân		24	22	24	10
1		Thôn 10	x	x	x	
2		Thôn Làng Lạnh	x	x	x	
3		Thôn làng Dự	x	x	x	
4		Thôn Phạ 1	x		x	
5		Thôn Phạ 2	x		x	
6		Thôn Quyết Thắng 1	x	x	x	x
7		Thôn Quyết thắng 2	x	x	x	x
8		Thôn Làng Hùng	x	x	x	
9		Thôn Tích Chung	x	x	x	
10		Thôn Ngòi Quán	x	x	x	x
11		Thôn Kéo Sa	x	x	x	
12		Thôn Ngòi Sừ	x	x	x	
13		Thôn Làng Rẫy	x	x	x	x
14		Thôn Thái Y	x	x	x	x
15		Thôn Nà Đình	x	x	x	
16		Thôn Nà Ké	x	x	x	
17		Thôn Suối Hóc	x	x	x	x
18		Thôn Ngòi Sọng	x	x	x	x
19		Thôn Ngòi Lăn	x	x	x	x
20		Thôn Phú Cường	x	x	x	x
21		Thôn Mỏ Quan	x	x	x	
22		Thôn Nà Ta	x	x	x	x
23		Thôn Tiền Phong	x	x	x	
24		Thôn Bình An	x	x	x	
(39)	Xã Yên Thành		20	20	20	9

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
1		Thôn 1 Làng Nổi	x	x	x	
2		Thôn 2 Làng Na	x	x	x	x
3		Thôn Phú Mỹ	x	x	x	x
4		Thôn Đồng Tâm	x	x	x	
5		Thôn Cà Lò	x	x	x	
6		Thôn Xuân Lai	x	x	x	
7		Thôn Cây Mơ	x	x	x	
8		Thôn Cây Tre	x	x	x	x
9		Thôn Ngòi Di	x	x	x	
10		Thôn Trung Tâm	x	x	x	
11		Thôn Khe Ngang	x	x	x	x
12		Thôn Cối Máy	x	x	x	x
13		Thôn Máy Dựng	x	x	x	x
14		Thôn Khe Cạn	x	x	x	x
15		Thôn Ngòi Khương	x	x	x	
16		Thôn Khuân Đất	x	x	x	
17		Thôn Làng Cại	x	x	x	x
18		Thôn Đồng Tha	x	x	x	
19		Thôn Đồng Tâm 1	x	x	x	
20		Thôn Đồng Tý	x	x	x	x
(40)	Xã Thác Bà		34	36	43	4
1		Thôn Bổng	x		x	
2		Thôn Đồng Tiến	x		x	
3		Thôn Trung Tâm	x		x	
4		Thôn Cây Thị	x		x	
5		Thôn Linh Môn 1	x	x	x	
6		Thôn Linh Môn 2	x	x	x	
7		Thôn Đức Tiến	x		x	
8		Thôn Ngọn Ngòi	x	x	x	x
9		Thôn Hàm Rồng	x	x	x	
10		Thôn Phai Thao	x	x	x	
11		Thôn Gò Chùa	x	x	x	
12		Thôn Hồ Sen	x		x	
13		Thôn Ngòi Lèn	x	x	x	
14		Thôn Ngòi Giàng	x	x	x	
15		Thôn Ngòi Tu	x	x	x	
16		Thôn Làng Mấy	x	x	x	
17		Thôn Đá Trắng	x	x	x	x
18		Thôn Vũ Sơn	x	x	x	
19		Thôn Trại Máng	x	x	x	
20		Thôn Làng Ngần	x	x	x	
21		Thôn Tầm Vông	x	x	x	
22		Thôn Đồng Chằm	x	x	x	
23		Thôn Làng Quyên	x	x	x	
24		Thôn Ba Luồn	x	x	x	
25		Thôn Mạ	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
26		Thôn Thác Ông	x	x	x	
27		Thôn Phúc Khánh	x	x	x	
28		Thôn Đa Cốc	x	x	x	
29		Thôn Ba Chặng	x	x	x	
30		Thôn Đình	x	x	x	
31		Thôn Đồng Đầm	x		x	
32		Thôn Chanh Yên	x	x	x	x
33		Thôn Đồng Chùa	x	x	x	x
34		Thôn Đồng Do	x	x	x	
35		Thôn 1		x	x	
36		Thôn 2		x	x	
37		Thôn 3		x	x	
39		Thôn Phúc Hòa		x	x	
40		Thôn An Lạc		x	x	
41		Thôn Hồng Quân		x	x	
42		Thôn Trác Đà		x	x	
48		Phai Tung		x	x	
49		Làng Cản		x	x	
(41)	Xã Yên Bình		13	0	13	0
1		Thôn 5	x		x	
2		Thôn 7	x		x	
3		Thôn Đá Chồng	x		x	
4		Thôn Khe Gày	x		x	
5		Thôn Ngòi Vồ	x		x	
6		Thôn Loạn Thượng	x		x	
7		Thôn Khe May	x		x	
8		Thôn Yên Thắng	x		x	
9		Thôn Khe Mạ	x		x	
10		Thôn Khuôn Giỏ	x		x	
11		Thôn Khuân La	x		x	
12		Thôn Loạn Hương	x		x	
13		Thôn Đồi Hối	x		x	
(42)	Xã Bảo Ái		28	7	28	0
1		Thôn Đoàn Kết	x		x	
2		Thôn Tân Lương	x		x	
3		Thôn Ngòi Cát	x		x	
4		Thôn Tân Tiến	x		x	
5		Thôn Tân Phong 1	x		x	
6		Thôn Tân Lập	x		x	
7		Thôn Đoàn Kết 1	x		x	
8		Thôn Ngòi Khang	x		x	
9		Thôn Làng Giữa	x		x	
10		Thôn Ngòi Bang	x		x	
11		Thôn Ngòi Ngù	x	x	x	
12		Thôn Ngòi Chán	x		x	
13		Thôn Anh Bình	x		x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
14		Thôn Ngòi Mấy	x		x	
15		Thôn Ngòi Nhàu	x	x	x	
16		Thôn Ngòi Ngần	x	x	x	
17		Thôn Đất Lụa	x		x	
18		Thôn Vĩnh An	x		x	
19		Thôn Trung Tâm	x		x	
20		Thôn Tân Phong	x		x	
21		Thôn Đèo Thao	x	x	x	
22		Thôn Đông Ké	x	x	x	
23		Thôn Tân Thành	x		x	
24		Thôn Khe Hùm	x		x	
25		Thôn Khe Nhàn	x		x	
26		Thôn Khe Cọ	x	x	x	
27		Thôn Tiến Minh	x		x	
28		Thôn Trại Phụng	x	x	x	
(43)	Phường Văn Phú		0	4	4	0
1		TDP Đồng Tâm		x	x	
2		TDP Thanh Bình		x	x	
3		TDP Thanh Hùng		x	x	
4		TDP Trần Ninh		x	x	
(44)	Phường Yên Bái		0	4	4	0
1		Tổ dân phố Yên Ninh 12		x	x	
2		Tổ dân phố Yên Ninh 14		x	x	
3		Tổ dân phố Đồng Tâm 15		x	x	
4		Tổ dân phố Đồng Tâm 16		x	x	
(45)	Phường Nam Cường					
(46)	Phường Âu Lâu					
(47)	Xã Trấn Yên		29	41	50	0
1		Thôn Đồng Trạng	x		x	
2		Thôn Đồng Bưởi	x		x	
3		Thôn Nhân Nghĩa	x	x	x	
4		Thôn Phú Thọ		x	x	
5		Thôn Hòa Cường 1	x	x	x	
6		Thôn Hòa Cường 3	x	x	x	
7		Thôn Minh Quán 5		x	x	
8		Thôn Phú Lan		x	x	
9		Thôn Phúc Đình		x	x	
10		Thôn Đào Thịnh 2		x	x	
11		Thôn Đào Thịnh 4		x	x	
12		Thôn Đồng Phú		x	x	
13		Thôn Phú Mỹ		x	x	
14		Thôn Trúc Đình		x	x	
15		Thôn Hòa Cường 6	x	x	x	
16		Thôn Minh Quán 1		x	x	
17		Thôn Hòa Cường 2	x	x	x	
18		Thôn Minh Quán 2		x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
19		Thôn Hòa Cường 5	x	x	x	
20		Thôn Minh Quán 3		x	x	
21		Thôn Lan Đình		x	x	
22		Thôn Minh Quán 6		x	x	
23		Thôn Làng Đồng	x	x	x	
24		Thôn Đào Thịnh 3		x	x	
25		Thôn Minh Quán 8		x	x	
26		Thôn Bánh Xe	x	x	x	
27		Thôn Đồng Đất	x	x	x	
28		Thôn Làng Gặt	x	x	x	
29		Thôn Làng Qua	x	x	x	
30		Thôn Đào Thịnh 6		x	x	
31		Thôn Đào Thịnh 1	x	x	x	
32		Thôn Minh Quán 9	x	x	x	
33		Thôn Khe Nhài	x	x	x	
34		Thôn Đào Thịnh 5	x	x	x	
35		Thôn Hòa Cường 4	x	x	x	
36		Thôn Minh Quán 4		x	x	
37		Thôn Minh Quán 7		x	x	
38		Thôn Sài Lương	x	x	x	
39		Thôn Đào Thịnh 7		x	x	
40		Thôn Khe Loóng	x	x	x	
41		Thôn Khe Đất	x	x	x	
42		Thôn Phúc Lương	x	x	x	
43		Thôn Đồng Phúc		x	x	
44		Thôn Ngòi Hóp	x		x	
45		Thôn Tân Long	x		x	
46		Thôn Đình Xây	x		x	
47		Thôn Đồng Sâm	x		x	
48		Thôn Đồng Gianh	x		x	
49		Thôn Đồng Ghènh	x		x	
50		Thôn Phố Hóp	x		x	
(48)	Xã Hưng Khánh		24	24	24	3
1		Thôn Khe Ron	x	x	x	x
2		Thôn Khe Tiến	x	x	x	x
3		Thôn Hồng Lâu	x	x	x	x
4		Thôn Khuôn Bỏ	x	x	x	
5		Thôn Khe Ngang	x	x	x	
6		Thôn Núi Vi	x	x	x	
7		Thôn Đức Thịnh	x	x	x	
8		Thôn Lương An	x	x	x	
9		Thôn Khe Léch	x	x	x	
10		Thôn Ngọn Đồng	x	x	x	
11		Thôn Khe Cam	x	x	x	
12		Thôn Tỉnh Hưng	x	x	x	
13		Thôn Khe Năm	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
14		Thôn Đất Quang	x	x	x	
15		Thôn Pá Thoọc	x	x	x	
16		Thôn Hồng Hải	x	x	x	
17		Thôn Bản Cọ	x	x	x	
18		Thôn Đồng Đình	x	x	x	
19		Thôn Trung Nam	x	x	x	
20		Thôn Nam Hồng	x	x	x	
21		Thôn Bản Chiềng	x	x	x	
22		Thôn Bản Khun	x	x	x	
23		Thôn Cà Nộc	x	x	x	
24		Thôn Liên Hợp	x	x	x	
(49)	Xã Lương Thịnh		16	10	24	0
1		Thôn Yên Phú		x	x	
2		Thôn Yên Định		x	x	
3		Thôn Yên Bình		x	x	
4		Thôn Yên Thịnh		x	x	
5		Thôn Khang Chính		x	x	
6		Thôn Yên Ninh	x		x	
7		Thôn Yên Thành	x	x	x	
8		Thôn Yên Thuận	x	x	x	
9		Thôn Quang Vinh	x		x	
10		Thôn Kim Bình	x		x	
11		Thôn Vực Tròn	x		x	
12		Thôn Đồng Bằng 1+2	x		x	
13		Thôn Khe Lụa	x		x	
14		Thôn Lương Môn	x		x	
15		Thôn Khe Bát	x		x	
16		Thôn Lương Thiện	x		x	
17		Thôn Trần Hưng	x		x	
18		Thôn Đồng Hào	x		x	
19		Thôn Lương Tầm	x		x	
20		Thôn Khe Cá	x		x	
21		Thôn Liên Thịnh	x		x	
22		Thôn Phương Đạo 1		x	x	
23		Thôn Phương Đạo 2		x	x	
24		Thôn Phương Đạo 3		x	x	
(50)	Xã Việt Hồng		24	10	24	0
1		Bản Din	x	x	x	
2		Bản Phạ	x	x	x	
3		Bản Chao	x	x	x	
4		Bản Nả	x	x	x	
5		Bản Vần	x	x	x	
6		Bản Bến	x	x	x	
7		Thôn Lao Động	x		x	
8		Thôn 4 Đồng Chảo	x		x	
9		Thôn 5 Cây Sy	x		x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
10		Thôn Gò Cẩm	x		x	
11		Thôn 8 Minh Phú	x	x	x	
12		Thôn Khe Mon	x		x	
13		Thôn 1	x		x	
14		Thôn 2	x		x	
15		Thôn 3A	x		x	
16		Thôn 3B	x		x	
17		Thôn 4	x		x	
18		Thôn 5	x		x	
19		Thôn 6 A	x		x	
20		Thôn 6B	x		x	
21		Thôn 7A	x	x	x	
22		Thôn 7B	x	x	x	
23		Thôn 8 A	x	x	x	
24		Thôn 9	x		x	
(51)	Xã Quy Mông		25	10	25	0
1		Thôn Quyết Tiến	x		x	
2		Thôn Quyết Thắng	x		x	
3		Thôn Hạnh Phúc	x		x	
4		Thôn An Phú	x		x	
5		Thôn An Thành	x	x	x	
6		Thôn An Hòa	x	x	x	
7		Thôn Hồng Tiến	x		x	
8		Thôn Đồng Cát	x	x	x	
9		Thôn An Thịnh	x	x	x	
10		Thôn Yên Thịnh	x	x	x	
11		Thôn Đồng Ruộng	x	x	x	
12		Thôn Kiên Lao	x	x	x	
13		Thôn Đồng Song	x	x	x	
14		Thôn Khe Rộng	x	x	x	
15		Thôn Đồng Phay	x	x	x	
16		Thôn Thịnh Bình	x		x	
17		Thôn Thịnh An	x		x	
18		Thôn Thịnh Lợi	x		x	
19		Thôn Thịnh Hưng	x		x	
20		Thôn Thịnh Vượng	x		x	
21		Thôn Hợp Thành	x		x	
22		Thôn Tân Thành	x		x	
23		Thôn Tân Thịnh	x		x	
24		Thôn Tân Cường	x		x	
25		Thôn Tân Việt	x		x	
(52)	Xã Si Ma Cai		35	35	35	33
1		Thôn Cốc Phà	x	x	x	x
2		Thôn Cán Chư Sừ	x	x	x	x
3		Thôn Cán Cầu	x	x	x	x
4		Thôn Mù Trắng Phìn	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
5		Thôn Lù Dì Sán	x	x	x	x
6		Thôn Lao Chải 1	x	x	x	x
7		Thôn Sín Hồ Sán	x	x	x	x
8		Thôn Seo Khái Hóa	x	x	x	x
9		Thôn Hòa Bình	x	x	x	x
10		Thôn Sừ Pà Phìn	x	x	x	x
11		Thôn Lao Chải 2	x	x	x	x
12		Thôn Sín Chải 2	x	x	x	x
13		Thôn Chu Liên Chải	x	x	x	x
14		Thôn Ngã Ba	x	x	x	x
15		Thôn Mán Thẩn	x	x	x	x
16		Thôn Tả Cán Hồ	x	x	x	x
17		Thôn Seo Cán Hồ	x	x	x	x
18		Thôn Phố Cũ	x	x	x	
19		Thôn Phố Mới	x	x	x	x
20		Thôn Gia Khâu	x	x	x	x
21		Thôn Na Cáng	x	x	x	x
22		Thôn Sín Chải 1	x	x	x	x
23		Thôn Phố Thầu	x	x	x	x
24		Thôn Nàng Càng	x	x	x	x
25		Thôn Hoàng Thu Phố	x	x	x	x
26		Thôn Hang Rộng	x	x	x	
27		Thôn Dìn Phàng	x	x	x	x
28		Thôn Đội 1	x	x	x	x
29		Thôn Đội 2	x	x	x	x
30		Thôn Đội 3	x	x	x	x
31		Thôn Nàn Vái	x	x	x	x
32		Thôn Sảng Chải	x	x	x	x
33		Thôn Đào Dân Sán	x	x	x	x
34		Thôn Hóa Chư Phùng	x	x	x	x
35		Thôn Lũng Choáng	x	x	x	x
(53)	Xã Sín Chéng		20	20	20	20
1		Thôn Mào Sao Chải	x	x	x	x
2		Thôn Mào Sao Phìn	x	x	x	x
3		Thôn Bản Kha	x	x	x	x
4		Thôn Sín Chải 1	x	x	x	x
5		Thôn Săn Chủng	x	x	x	x
6		Thôn Săn Sín Pao	x	x	x	x
7		Thôn Ngải Phóng Chồ	x	x	x	x
8		Thôn Sín Chải 2	x	x	x	x
9		Thôn Na Pá	x	x	x	x
10		Thôn Bản Mế	x	x	x	x
11		Thôn Khoán Púng	x	x	x	x
12		Thôn Cốc Rế	x	x	x	x
13		Thôn Thào Chư Phìn	x	x	x	x
14		Thôn Săn Chá	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
15		Thôn Cầu Pì Chải	x	x	x	x
16		Thôn Hô Sáo Chải	x	x	x	x
17		Thôn Giàng Chá Chải	x	x	x	x
18		Thôn Nàn Sín	x	x	x	x
19		Thôn Phìn Chur	x	x	x	x
20		Thôn Phìn Chur 3	x	x	x	x
(54)	Xã Bắc Hà		56	59	59	29
1		Thôn Bắc Hà 1		x	x	
2		Thôn Bắc Hà 2	x	x	x	
3		Thôn Bắc Hà 3		x	x	
4		Thôn Na Cồ	x	x	x	
5		Thôn Nậm Cáy	x	x	x	
6		Thôn Na Quang 1	x	x	x	
7		Thôn Na Quang 3	x	x	x	
8		Thôn Nậm Sắt 1	x	x	x	
9		Thôn Nậm Sắt 2		x	x	
10		Thôn Nậm Sắt 4	x	x	x	
11		Thôn Na Kim	x	x	x	
12		Thôn Na Khèo	x	x	x	
13		Thôn Na Thá	x	x	x	
14		Thôn Na Pắc Ngam	x	x	x	
15		Thôn Na Lang	x	x	x	
16		Thôn Na Lo	x	x	x	
17		Thôn Sín Chải	x	x	x	
18		Thôn Na Áng A	x	x	x	
19		Thôn Na Áng B	x	x	x	
20		Thôn Na Hối Tày	x	x	x	
21		Thôn Na Hối Nùng	x	x	x	
22		Thôn Chiu Cái	x	x	x	x
23		Thôn Km3	x	x	x	
24		Thôn Di Thàng	x	x	x	x
25		Thôn Nhiu Lùng	x	x	x	x
26		Thôn Bản Ngồ Thượng	x	x	x	x
27		Thôn Cồ Dề Chải	x	x	x	x
28		Thôn Sừ Chù Chải	x	x	x	x
29		Thôn Cốc Cài Thượng	x	x	x	
30		Thôn Nậm Làn Cốc Cài	x	x	x	
31		Thôn Nậm Mòn	x	x	x	
32		Thôn Lềng Phang Lang Mường	x	x	x	x
33		Thôn Ngải Sỏ	x	x	x	x
34		Thôn Chồ Chải	x	x	x	x
35		Thôn Hoàng Hạ	x	x	x	x
36		Thôn Tả Thồ 1	x	x	x	x
37		Thôn Tả Thồ 2	x	x	x	x
38		Thôn Bản Páy	x	x	x	x
39		Thôn Lao Phú Sáng	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
40		Thôn Sín Giáo Ngải	x	x	x	x
41		Thôn Ngải Thầu Sín Chải	x	x	x	x
42		Thôn Sán Chư Ván	x	x	x	x
43		Thôn Dì Thàng 1	x	x	x	x
44		Thôn Ngải Phóng Chồ	x	x	x	x
45		Thôn Sân Bay	x	x	x	x
46		Thôn Ngải Ma Lùng Trù	x	x	x	x
47		Thôn Nậm Thố	x	x	x	x
48		Thôn Sán Sả Hồ	x	x	x	x
49		Thôn Bản Phố 1	x	x	x	x
50		Thôn Bản Phố 2	x	x	x	
51		Thôn Làng Mới	x	x	x	
52		Thôn Quán Dín Ngải	x	x	x	x
53		Thôn Háng Dù	x	x	x	x
54		Thôn Hấu Đào	x	x	x	x
55		Thôn Phéc Búng	x	x	x	
56		Thôn Trung La	x	x	x	x
57		Thôn Kháo Sáo	x	x	x	x
58		Thôn Bản Phố 2c	x	x	x	
59		Thôn Háng Dê	x	x	x	
(55)	Xã Cốc Lầu		22	22	22	22
1		Thôn Nậm Chấm	x	x	x	x
2		Thôn Nậm Tông	x	x	x	x
3		Thôn Nậm Kha 2	x	x	x	x
4		Thôn Nậm Kha 1	x	x	x	x
5		Thôn Thái Giàng	x	x	x	x
6		Thôn Cốc Đầm	x	x	x	x
7		Thôn Nậm Lầy	x	x	x	x
8		Thôn Nậm Lúc Hạ	x	x	x	x
9		Thôn Nậm Lúc Thượng	x	x	x	x
10		Thôn Nậm Nhù	x	x	x	x
11		Thôn Bản Giàng	x	x	x	x
12		Thôn Hà Tiên	x	x	x	x
13		Thôn Làng Chàng	x	x	x	x
14		Thôn Khe Thượng Làng Mới	x	x	x	x
15		Thôn Nậm Lòn	x	x	x	x
16		Thôn Cốc Lầu	x	x	x	x
17		Thôn Kho Vàng	x	x	x	x
18		Thôn Làng Tát	x	x	x	x
19		Thôn Làng Quỳ	x	x	x	x
20		Thôn Làng Cù	x	x	x	x
21		Thôn Ma Sín Chải	x	x	x	x
22		Thôn Cô Tông Bản Vàng	x	x	x	x
(56)	Xã Bảo Nhai		35	37	37	34
1		Thôn Phìn Giàng A	x	x	x	x
2		Thôn Phìn Giàng B	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
3		Thôn Phìn Giàng C	x	x	x	x
4		Thôn Lùng Xa 1	x	x	x	x
5		Thôn Lùng Xa 2	x	x	x	x
6		Thôn Làng Đá - Sín Chải	x	x	x	x
7		Thôn Làng Păm	x	x	x	x
8		Thôn Làng Bom	x	x	x	x
9		Thôn Cốc Ly Thượng	x	x	x	x
10		Thôn Thẩm Phúc	x	x	x	x
11		Thôn Làng Mới	x	x	x	x
12		Thôn Thèn Phùng	x	x	x	x
13		Thôn Nậm Hu	x	x	x	x
14		Thôn Nậm Giá	x	x	x	x
15		Thôn Na Ân	x	x	x	x
16		Thôn Nậm Hán 1	x	x	x	x
17		Thôn Nậm Hán 2	x	x	x	x
18		Thôn Nậm Ké	x	x	x	x
19		Thôn Cốc Sầm	x	x	x	x
20		Thôn Thôn Nậm Đét	x	x	x	x
21		Thôn Thôn Bản Lấp	x	x	x	x
22		Thôn Thôn Tổng Hạ	x	x	x	x
23		Thôn Thôn Tổng Thượng	x	x	x	x
24		Thôn Thôn Nậm Cài	x	x	x	x
25		Thôn Khởi Xá Trong	x	x	x	x
26		Thôn Bản Dù	x	x	x	x
27		Thôn Bản Mẹt	x	x	x	x
28		Thôn Bảo Nhai	x	x	x	x
29		Thôn Bảo Tân 1	x	x	x	
30		Thôn Cốc Đào	x	x	x	x
31		Thôn Khởi Bung	x	x	x	x
32		Thôn Khởi Xá Ngoài		x	x	
33		Thôn Nậm Khấp Ngoài		x	x	
34		Thôn Nậm Khấp Trong	x	x	x	x
35		Thôn Nậm Tri	x	x	x	x
36		Thôn Phìn Giàng	x	x	x	x
37		Thôn Trung Đô	x	x	x	x
(57)	Xã Bản Liên		11	11	11	11
1		Thôn Đội 2	x	x	x	x
2		Thôn Đội 3	x	x	x	x
3		Thôn Đội 4	x	x	x	x
4		Thôn Pắc Kẹ	x	x	x	x
5		Thôn Xà Phìn	x	x	x	x
6		Thôn Khu Chu Tùng	x	x	x	x
7		Thôn Nậm Thắng	x	x	x	x
8		Thôn Nậm Tồn	x	x	x	x
9		Thôn Nậm Khánh	x	x	x	x
10		Thôn Nậm Táng	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
11		Thôn Mả Phố	x	x	x	x
(58)		Xã Tả Cù Tỷ	15	15	15	15
1		Thôn Sông Lắm	x	x	x	x
2		Thôn Nậm Sóm	x	x	x	x
3		Thôn Ngải Thầu	x	x	x	x
4		Thôn Bản Già	x	x	x	x
5		Thôn Sáng Mào Phố	x	x	x	x
6		Thôn Sả Mào Phố	x	x	x	x
7		Thôn Tả Cù Tỷ	x	x	x	x
8		Thôn Xín Chải	x	x	x	x
9		Thôn Kha Phàng	x	x	x	x
10		Thôn Sáng Lùng Chín	x	x	x	x
11		Thôn Hoàng Trù Ván	x	x	x	x
12		Thôn Sán Trá Thên Ván	x	x	x	x
13		Thôn Sín Chải Lùng Chín	x	x	x	x
14		Thôn Sẻ Chải	x	x	x	x
15		Thôn Sín Chải Cờ Cái	x	x	x	x
(59)	Xã Lùng Phình		20	20	20	18
1		Thôn Lá Dì Thàng	x	x	x	x
2		Thôn Lao Chải Phà Hai Tùng	x	x	x	x
3		Thôn Nhiều Cù Ván	x	x	x	
4		Thôn Pù Chù Ván	x	x	x	x
5		Thôn Sín Chải	x	x	x	x
6		Thôn Xà Ván Sừ Mản Khang	x	x	x	x
7		Thôn Tẩn Chư	x	x	x	x
8		Thôn Lùng Sán	x	x	x	x
9		Thôn Seng Sui	x	x	x	x
10		Lênh Sui Thàng	x	x	x	x
11		Thôn Nà Chí Phàng	x	x	x	x
12		Thôn Chính Chư Phìn	x	x	x	x
13		Thôn Lử Thẩn	x	x	x	x
14		Thôn Năng Càng	x	x	x	
15		Thôn Pờ Chồ	x	x	x	x
16		Thôn Lử Chồ	x	x	x	x
17		Thôn Di Thảo Ván	x	x	x	x
18		Thôn Lùng Phình	x	x	x	x
19		Thôn Tả Chải	x	x	x	x
20		Thôn Pả Chư Tỷ	x	x	x	x
(60)	Xã Mường Khương		53	53	53	35
1		Thôn Lao Hâu	x	x	x	
2		Thôn Thính Chéng	x	x	x	x
3		Thôn Nậm Rúp	x	x	x	
4		Thôn Sín Hồ	x	x	x	x
5		Thôn Sín Chải - Thanh Bình	x	x	x	
6		Thôn Tả Thên A	x	x	x	x
7		Thôn Pờ Hồ	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
8		Thôn Nậm Păn	x	x	x	
9		Thôn Nậm Cháy	x	x	x	x
10		Thôn Sấn Păn	x	x	x	
11		Thôn Gia Khâu A	x	x	x	
12		Thôn Lao Chải - Nậm Cháy	x	x	x	x
13		Thôn Sín Chải - Nậm Cháy	x	x	x	x
14		Thôn Lùng Phìn A	x	x	x	x
15		Thôn Sảng Lùng Phìn	x	x	x	x
16		Thôn Cốc Ngù	x	x	x	x
17		Thôn Cốc Râm	x	x	x	x
18		Thôn Gia Khâu B	x	x	x	x
19		Thôn Mào Phìn	x	x	x	
20		Thôn Nhân Giổng	x	x	x	
21		Thôn Sả Hồ	x	x	x	x
22		Thôn Choán Ván	x	x	x	x
23		Thôn Dê Chú Thàng	x	x	x	x
24		Thôn Xóm Mới	x	x	x	
25		Thôn Tùng lâu	x	x	x	
26		Thôn Na Khui	x	x	x	
27		Thôn Phố Cũ	x	x	x	
28		Thôn Na Đầy	x	x	x	x
29		Thôn Na Bủ-Hàm Rông	x	x	x	
30		Thôn Mã Tuyển	x	x	x	
31		Thôn Sảng Chải	x	x	x	
32		Thôn Chung Chải B	x	x	x	x
33		Thôn Sa Pả	x	x	x	x
34		Thôn Chung Chải A	x	x	x	
35		Thôn Lao Chải - Mường Khương	x	x	x	x
36		Thôn Xóm chợ	x	x	x	
37		Thôn Tả Chu Phùng	x	x	x	x
38		Thôn Páo Tùng	x	x	x	x
39		Thôn Văng Leng	x	x	x	x
40		Thôn Lũng Pâu	x	x	x	x
41		Thôn Nàn Tiểu Hồ	x	x	x	x
42		Thôn Cán Hồ	x	x	x	x
43		Thôn Sáo Tùng	x	x	x	x
44		Thôn Vả Thàng	x	x	x	x
45		Thôn Pạc Trà	x	x	x	x
46		Thôn Tả Thên	x	x	x	x
47		Thôn Cốc Mạc	x	x	x	x
48		Thôn Nấm Oọc	x	x	x	x
49		Thôn Pạc Ngam	x	x	x	x
50		Thôn Cốc Chứ	x	x	x	x
51		Thôn Ngam Lâm	x	x	x	x
52		Thôn Lùng Húi	x	x	x	x
53		Thôn Sao Cô Sín	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
(61)	Xã Pha Long		35	35	35	35
1		Thôn Máo Chóa Sủ	x	x	x	x
2		Thôn Thàng Chư Pên	x	x	x	x
3		Thôn Tả Lù	x	x	x	x
4		Thôn Sín Chải B	x	x	x	x
5		Thôn Sín Chải A	x	x	x	x
6		Thôn Hoàng Phi Chải	x	x	x	x
7		Thôn Xà Khái Tùng	x	x	x	x
8		Thôn Sừ Ma Tùng	x	x	x	x
9		Thôn Bản Phố	x	x	x	x
10		Thôn Tả Lùng Thắng	x	x	x	x
11		Thôn Lò Cồ Chín	x	x	x	x
12		Thôn Sả Chải	x	x	x	x
13		Thôn Pha Long 1	x	x	x	x
14		Thôn Pha Long 2	x	x	x	x
15		Thôn Lao Ma Chải	x	x	x	x
16		Thôn Nì Si 1+4	x	x	x	x
17		Thôn Pao Pao Chải	x	x	x	x
18		Thôn Lò Suối Tùng	x	x	x	x
19		Thôn Dìn Chín	x	x	x	x
20		Thôn Ngải Thầu	x	x	x	x
21		Thôn Lùng Sán Chồ	x	x	x	x
22		Thôn Cùng Lũng	x	x	x	x
23		Thôn Phìn Chư	x	x	x	x
24		Thôn Sín Chải	x	x	x	x
25		Thôn Lò Sừ Thàng	x	x	x	x
26		Thôn Cốc Cáng	x	x	x	x
27		Thôn Mào Sao Chải	x	x	x	x
28		Thôn Tả Gia Khâu	x	x	x	x
29		Thôn Sín Pao Chải	x	x	x	x
30		Thôn Lao Chải	x	x	x	x
31		Thôn Na Măng	x	x	x	x
32		Thôn Pạc Tả	x	x	x	x
33		Thôn Vũ Sà	x	x	x	x
34		Thôn Lao Tô Chải	x	x	x	x
35		Thôn Thái Giàng sán	x	x	x	x
(62)	Xã Bản Lầu		35	36	36	14
1		Thôn Suối Thầu	x	x	x	
2		Thôn Thịnh Ổi	x	x	x	
3		Thôn Na Phả	x	x	x	
4		Thôn Na Vai	x	x	x	
5		Thôn Na Nổi	x	x	x	x
6		Thôn Bản Sen	x	x	x	
7		Thôn Phẳng Tao	x	x	x	
8		Thôn Cốc Chứ	x	x	x	x
9		Thôn Na Nhung	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
10		Thôn Na Lin	x	x	x	
11		Thôn Lùng Cầu	x	x	x	x
12		Thôn Trung Tâm		x	x	
13		Thôn Na Pao	x	x	x	
14		Thôn Na Mạ 1	x	x	x	
15		Thôn Na Mạ 2	x	x	x	
16		Thôn Đồi Gianh	x	x	x	x
17		Thôn Pạc Bo	x	x	x	x
18		Thôn Na Lốc 1	x	x	x	x
19		Thôn Na Lốc 2	x	x	x	x
20		Thôn Na Lốc 3	x	x	x	x
21		Thôn Na Lốc 4	x	x	x	x
22		Thôn Cốc Phuong	x	x	x	x
23		Thôn Bản Sinh	x	x	x	
24		Thôn Đồng Cắm	x	x	x	
25		Thôn Trung Tâm Lùng Vai	x	x	x	
26		Thôn Na Lang	x	x	x	x
27		Thôn Cốc Lầy	x	x	x	x
28		Thôn Lùng Vai	x	x	x	
29		Thôn Tảo Giàng	x	x	x	
30		Thôn Bỏ Lũng	x	x	x	x
31		Thôn Giáp Cự	x	x	x	
32		Thôn Chợ Chậu	x	x	x	
33		Thôn Cốc Cái	x	x	x	
34		Thôn Cốc Phụng	x	x	x	
35		Thôn Na Hạ	x	x	x	
36		Thôn Tả San	x	x	x	x
(63)	Xã Cao Sơn		33	33	33	33
1		Thôn Tả Thàng	x	x	x	x
2		Thôn Sứ Dí Phìn	x	x	x	x
3		Thôn Lầu Thí Chải	x	x	x	x
4		Thôn Bản phố	x	x	x	x
5		Thôn Páo Máo Phìn A	x	x	x	x
6		Thôn Páo Máo Phìn B	x	x	x	x
7		Thôn Cán Cầu 1	x	x	x	x
8		Thôn Cán Cầu 2	x	x	x	x
9		Thôn Cu Ty Chải	x	x	x	x
10		Thôn La Pan Tẩn	x	x	x	x
11		Thôn Ma Cai Thàng	x	x	x	x
12		Thôn Tìn Thàng	x	x	x	x
13		Thôn Bãi Bằng	x	x	x	x
14		Thôn Mường Lum	x	x	x	x
15		Thôn Sả San	x	x	x	x
16		Thôn Sín Chải A	x	x	x	x
17		Thôn Sín Chải B	x	x	x	x
18		Thôn Lồ Suối Tùng	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
19		Thôn Ngải Phóng Chồ	x	x	x	x
20		Thôn Pa Cheo phìn A	x	x	x	x
21		Thôn Pa Cheo phìn B	x	x	x	x
22		Thôn Lùng Chéng Nùng	x	x	x	x
23		Thôn Sảng Lùng Chéng	x	x	x	x
24		Thôn Sả Lùng Chéng	x	x	x	x
25		Thôn Na Vang	x	x	x	x
26		Thôn Na Cạp	x	x	x	x
27		Thôn Nậm Đót	x	x	x	x
28		Thôn Lùng Khẩu Nhìn	x	x	x	x
29		Thôn Sín Lùng Chải	x	x	x	x
30		Thôn Thái Giàng Chải	x	x	x	x
31		Thôn Chu Lìn Phố	x	x	x	x
32		Thôn Ma Ngán B	x	x	x	x
33		Thôn Ma Ngán	x	x	x	x
(64)		Xã Bát Xát	47	17	47	14
1		Thôn Van Hồ	x	x	x	x
2		Thôn Tả Trạng 1	x	x	x	x
3		Thôn Sải Duẩn	x	x	x	x
4		Thôn Sùng Bang	x	x	x	x
5		Thôn Láo Sảng	x	x	x	x
6		Thôn Trung Hồ	x	x	x	x
7		Thôn Láo Vàng	x	x	x	x
8		Thôn Trung Chải	x	x	x	x
9		Thôn Lò Suối Tùng	x	x	x	x
10		Thôn Suối Chải	x	x	x	x
11		Thôn Làng Păn	x		x	
12		Thôn Làng Quang	x		x	
13		Thôn Làng Kim	x		x	
14		Thôn Làng San	x		x	
15		Thôn Làng Toòng	x		x	
16		Thôn Đồng Quang	x		x	
17		Thôn An Thành	x		x	
18		Thôn Tả Trạng	x		x	
19		Thôn Làng Hang	x		x	
20		Thôn Kim Tiến	x		x	
21		Thôn An Quang	x		x	
22		Thôn Vỹ Kẽm	x	x	x	
23		Thôn 9	x		x	
24		Thôn 10	x		x	
25		Thôn 11	x		x	
26		Thôn 12	x		x	
27		Thôn 13	x		x	
28		Thôn 14	x		x	
29		Thôn Bản Qua	x		x	
30		Thôn Bản Vai	x		x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
31		Thôn Tân Bảo	x		x	
32		Thôn Bản Vền	x		x	
33		Thôn Tân Hồng	x		x	
34		Thôn Coóc Cài	x		x	
35		Thôn Hải Khê	x		x	
36		Thôn Vi Phái	x		x	x
37		Thôn Tả Ngảo	x	x	x	x
38		Thôn Bản Pho	x	x	x	
39		Thôn Ná Nàm	x	x	x	
40		Thôn Km 0	x		x	
41		Thôn 1	x		x	
42		Thôn 2	x		x	
43		Thôn 3	x		x	
44		Thôn Mường Đơ	x		x	
45		Thôn Sơn Hà	x	x	x	x
46		Thôn San Lùng	x	x	x	x
47		Thôn San Bang	x	x	x	
(65)	Xã Mường Hum		14	14	14	12
1		Thôn Mường Hum	x	x	x	
2		Thôn Piềng Láo	x	x	x	
3		Thôn Ky Quan San	x	x	x	x
4		Thôn Séo Pờ Hồ	x	x	x	x
5		Thôn Tả Pờ Hồ	x	x	x	x
6		Thôn Phìn Páo	x	x	x	x
7		Thôn Tả Tả Lé	x	x	x	x
8		Thôn Xéo Tả Lé	x	x	x	x
9		Thôn Pờ Hồ	x	x	x	x
10		Thôn Trung Hồ	x	x	x	x
11		Thôn Tả Chải	x	x	x	x
12		Thôn Nậm Pung	x	x	x	x
13		Thôn Kín Chu Phìn 1	x	x	x	x
14		Thôn Kín Chu Phìn 2	x	x	x	x
(66)	Xã Dền Sáng		19	19	19	13
1		Thôn Nậm Pên 2	x	x	x	x
2		Thôn Sáng Ma Sáo	x	x	x	x
3		Thôn Khu Chu Phìn	x	x	x	x
4		Thôn Nậm Pên 1	x	x	x	x
5		Thôn Mả Mù Sừ 1	x	x	x	x
6		Thôn Mả Mù Sừ 2	x	x	x	x
7		Thôn Ky Quan San	x	x	x	x
8		Thôn Làng Mới	x	x	x	
9		Thôn Nhieu Cù San	x	x	x	x
10		Thôn Tả Phìn	x	x	x	x
11		Thôn Bản Phố	x	x	x	
12		Thôn Sín Chải	x	x	x	x
13		Thôn Dền Thàng 1	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
14		Thôn Dền Thàng 2	x	x	x	x
15		Thôn Ngải Thầu	x	x	x	x
16		Thôn Nậm Giàng	x	x	x	
17		Thôn Dền Sáng	x	x	x	
18		Thôn Trung Chải	x	x	x	
19		Thôn Ngải Trỏ	x	x	x	
(67)	Xã Y Tý		25	25	25	16
1		Thôn Phìn Hồ	x	x	x	x
2		Thôn Trung Chải	x	x	x	x
3		Thôn Phan Cán Sứ	x	x	x	x
4		Thôn Mò Phú Chải	x	x	x	
5		Thôn Tả Giè Thàng	x	x	x	
6		Thôn Ngải Trỏ	x	x	x	
7		Thôn Choán Thèn	x	x	x	
8		Thôn Lao Chải	x	x	x	
9		Thôn Sín Chải	x	x	x	
10		Thôn Sim San 1	x	x	x	x
11		Thôn Sim San 2	x	x	x	x
12		Thôn Hồng Ngải	x	x	x	x
13		Thôn Tả Suối Cầu	x	x	x	x
14		Thôn Ngải Chồ	x	x	x	x
15		Thôn A Lù 1	x	x	x	
16		Thôn A Lù 2	x	x	x	x
17		Thôn Khoa San Chải	x	x	x	
18		Thôn Khu Chu Lìn	x	x	x	x
19		Thôn Sáo Phìn Chư	x	x	x	x
20		Thôn Phìn Chải 1	x	x	x	x
21		Thôn Phìn Chải 2	x	x	x	x
22		Thôn Chín Chu Lìn	x	x	x	
23		Thôn Cán Cầu	x	x	x	x
24		Thôn Ngải Thầu Hạ	x	x	x	x
25		Thôn Ngải Thầu Thượng	x	x	x	x
(68)	Xã A Mú Sung		14	14	14	14
1		Thôn Ngải Trỏ	x	x	x	x
2		Thôn Phù Lao Chải	x	x	x	x
3		Thôn Y Giang	x	x	x	x
4		Thôn Tung Qua	x	x	x	x
5		Thôn Tùng Sáng	x	x	x	x
6		Thôn Lũng Pô	x	x	x	x
7		Thôn Nậm Chạc	x	x	x	x
8		Thôn Nậm Giang 1	x	x	x	x
9		Thôn Nậm Giang 2	x	x	x	x
10		Thôn Nậm Khoang	x	x	x	x
11		Thôn Suối Thầu	x	x	x	x
12		Thôn Suối Thầu 3	x	x	x	x
13		Thôn Biên Hoà	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
14		Thôn Cửa Suối	x	x	x	x
(69)	Xã Trịnh Tường		27	27	27	22
1		Thôn Bản Trung	x	x	x	x
2		Thôn Phìn Ngan	x	x	x	x
3		Thôn Bản Lầu	x	x	x	x
4		Thôn Tân Quang	x	x	x	
5		Thôn Tùng Chín 2	x	x	x	x
6		Thôn Tùng Chín 3	x	x	x	x
7		Thôn Dền Thàng	x	x	x	x
8		Thôn Phố Mới 1	x	x	x	
9		Thôn Phố Mới 2	x	x	x	
10		Thôn Ná Đoong	x	x	x	x
11		Thôn Tân Tiến	x	x	x	x
12		Thôn Lao Chải	x	x	x	x
13		Thôn Sín Chải	x	x	x	x
14		Thôn Tả Cỗ Thàng	x	x	x	x
15		Thôn Nà Lặc	x	x	x	x
16		Thôn San Hồ	x	x	x	x
17		Thôn Tân Giang	x	x	x	x
18		Thôn Bàu Bàng	x	x	x	
19		Thôn Tân Long	x	x	x	x
20		Thôn Nậm Chôn	x	x	x	x
21		Thôn Vĩ Kẽm	x	x	x	
22		Thôn Ná Lùng	x	x	x	x
23		Thôn Bản Trang	x	x	x	x
24		Thôn Sơn Hà	x	x	x	x
25		Thôn Tả Câu Liêng	x	x	x	x
26		Thôn Sáo Phìn Than	x	x	x	x
27		Thôn Dìn Pèng	x	x	x	x
(70)	Xã Bản Xèo		14	15	15	15
1		Thôn Lâm Tiến		x	x	x
2		Thôn Làng Mới	x	x	x	x
3		Thôn Ná Ắn	x	x	x	x
4		Thôn Cửa Cái	x	x	x	x
5		Thôn Ná Rìn	x	x	x	x
6		Thôn Thành Sơn	x	x	x	x
7		Thôn Bản Xèo	x	x	x	x
8		Thôn Cán Tỷ	x	x	x	x
9		Thôn Pờ Sỉ Ngải	x	x	x	x
10		Thôn San Lùng	x	x	x	x
11		Thôn Kín Sáng Hồ	x	x	x	x
12		Thôn Tả Lềng	x	x	x	x
13		Thôn Tả Pa Cheo	x	x	x	x
14		Thôn Sáo Pa Cheo	x	x	x	x
15		Thôn Bản Giàng	x	x	x	x
(71)	Phường Sa Pa		13	27	27	10

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
1		TDP Sa Pa 1		x	x	
2		TDP Sa Pa 2		x	x	
3		TDP Sa Pa 3		x	x	
4		TDP Sa Pa 4		x	x	
5		TDP Sa Pa 5	x	x	x	
6		TDP Sa Pa 6		x	x	
7		TDP Sa Pa 7		x	x	
8		TDP Cầu Mây 1	x	x	x	x
9		TDP Cầu Mây 2	x	x	x	x
10		TDP Cầu Mây 3	x	x	x	x
11		TDP Ô Quý Hồ 1		x	x	
12		TDP Ô Quý Hồ 2		x	x	
13		TDP Ô Quý Hồ 3	x	x	x	x
14		TDP Phan Si Păng 1	x	x	x	
15		TDP Phan Si Păng 2		x	x	
16		TDP Phan Si Păng 3		x	x	
17		TDP Phan Si Păng 4		x	x	
18		TDP Phan Si Păng 5	x	x	x	
19		TDP Sa Pả 1		x	x	
20		TDP Sa Pả 2	x	x	x	x
21		TDP Sa Pả 3	x	x	x	x
22		TDP Sa Pả 4	x	x	x	x
23		TDP Hàm Rồng 1	x	x	x	x
24		TDP Hàm Rồng 2	x	x	x	x
25		TDP Hàm Rồng 3	x	x	x	x
26		TDP Hàm Rồng 4		x	x	
27		TDP Hàm Rồng 5		x	x	
(72)	Xã Mường Bo		16	16	16	7
1		Thôn Nậm Cang	x	x	x	
2		Thôn Nậm Than	x	x	x	
3		Thôn Nậm Nhù	x	x	x	x
4		Thôn Bản Sài	x	x	x	
5		Thôn Nậm Kéng	x	x	x	x
6		Thôn Nậm Sang	x	x	x	x
7		Thôn Nậm Ngán	x	x	x	
8		Thôn Mường Bo 1	x	x	x	
9		Thôn Mường Bo 2	x	x	x	
10		Thôn Sín Chải A	x	x	x	
11		Thôn Sín Chải B	x	x	x	
12		Thôn Nậm Cùm	x	x	x	x
13		Thôn Suối Thầu Dao	x	x	x	x
14		Thôn Suối Thầu Mông	x	x	x	x
15		Thôn Bản Pho	x	x	x	x
16		Thôn Nậm Lang	x	x	x	
(73)	Xã Bản Hồ		16	16	16	6
1		Thôn Nậm Tóong	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
2		Thôn Ma Quái Hồ	x	x	x	x
3		Thôn Hoàng Liên	x	x	x	x
4		Thôn Sáo Trung Hồ	x	x	x	x
5		Thôn Tả Trung Hồ	x	x	x	
6		Thôn La Ve	x	x	x	
7		Thôn Bản Dền	x	x	x	
8		Thôn Léch Dao	x	x	x	
9		Thôn Bản Kim	x	x	x	
10		Thôn Léch Mông	x	x	x	x
11		Thôn Bản Sái	x	x	x	
12		Thôn Phùng Mông	x	x	x	
13		Thôn Phùng Dao	x	x	x	
14		Thôn Nậm Si	x	x	x	
15		Thôn Bản Tòng	x	x	x	x
16		Thôn Bản Pho	x	x	x	
(74)	Xã Tả Phìn		14	14	14	6
1		Thôn Lù Khẩu	x	x	x	
2		Thôn Can Ngải	x	x	x	
3		Thôn Sả Xéng	x	x	x	
4		Thôn Tả Chải	x	x	x	
5		Thôn Suối Thầu	x	x	x	
6		Thôn Giàng Tra	x	x	x	
7		Thôn Pờ Si Ngải	x	x	x	
8		Thôn Chu lìn I	x	x	x	
9		Thôn Vù Lùng Sung	x	x	x	x
10		Thôn Sín Chải	x	x	x	x
11		Thôn Chu lìn II	x	x	x	x
12		Thôn Móng sến I	x	x	x	x
13		Thôn Móng sến II	x	x	x	x
14		Thôn Giàng Tra I	x	x	x	x
(75)	Xã Tả Van		23	23	23	19
1		Thôn Hòa Sừ Pán I	x	x	x	x
2		Thôn Hòa Sừ Pán II	x	x	x	x
3		Thôn Vạn Dền Sừ I	x	x	x	x
4		Thôn Vạn Dền Sừ II	x	x	x	x
5		Thôn Bản Pho	x	x	x	x
6		Thôn Thảo Hồng Dền	x	x	x	x
7		Thôn Hầu Chư Ngải	x	x	x	x
8		Thôn Hang Đá	x	x	x	
9		Thôn Giàng Tả Chải	x	x	x	x
10		Thôn Tả Van Dáy 1	x	x	x	
11		Thôn Tả Van Dáy 2	x	x	x	
12		Thôn Tả Van Mông	x	x	x	
13		Thôn Tả Chải Dao	x	x	x	x
14		Thôn Dền Thàng	x	x	x	x
15		Thôn Sáo Mý Tỷ	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
16		Thôn Cát Cát	x	x	x	x
17		Thôn Sín Chải	x	x	x	x
18		Thôn Ý Linh Hồ 1	x	x	x	x
19		Thôn Ý Linh Hồ 2	x	x	x	x
20		Thôn Lao Hàng Chải	x	x	x	x
21		Thôn Lồ Lao Chải	x	x	x	x
22		Thôn Lao Chải San I	x	x	x	x
23		Thôn Lao Chải San II	x	x	x	x
(76)	Xã Ngũ Chỉ Sơn		16	16	16	6
1		Thôn Can Hồ B	x	x	x	
2		Thôn Can Hồ A	x	x	x	x
3		Thôn Phìn Hồ	x	x	x	
4		Thôn Can Hồ Mông	x	x	x	
5		Thôn Lủ Khẩu	x	x	x	x
6		Thôn Xín Chải	x	x	x	x
7		Thôn Yên Sơn	x	x	x	x
8		Thôn Xà Chải	x	x	x	
9		Thôn Kim Ngan	x	x	x	x
10		Thôn Móng Xóa	x	x	x	
11		Thôn Lao Chải	x	x	x	
12		Thôn Cửa Cài	x	x	x	
13		Thôn Suối Thầu 1	x	x	x	
14		Thôn Suối Thầu 2	x	x	x	
15		Thôn Sín Chải	x	x	x	
16		Thôn Bản Pho	x	x	x	x
(77)	Xã Văn Bàn		39	40	40	18
1		Thôn Ta Khuẩn	x	x	x	x
2		Thôn Khe Chấn 1	x	x	x	x
3		Thôn Khe Nhòì	x	x	x	x
4		Thôn Khổi Nghè	x	x	x	
5		Thôn Khe Léch	x	x	x	
6		Thôn Khe Phàn	x	x	x	x
7		Thôn Thác Dây	x	x	x	x
8		Thôn Tam Đỉnh	x	x	x	x
9		Thôn Văn Tiến	x	x	x	x
10		Thôn Bản Noong	x	x	x	
11		Thôn Nà Thái	x	x	x	
12		Thôn Noong Dờn	x	x	x	
13		Thôn Yên Thành	x	x	x	
14		Thôn Nà Lọc 1	x	x	x	
15		Thôn Nậm Cọ	x	x	x	x
16		Thôn Nà Bay	x	x	x	
17		Thôn Giàng	x	x	x	x
18		Thôn Hô Phai	x	x	x	
19		Thôn An	x	x	x	
20		Thôn Lập Thành	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
21		Thôn Nậm Bó	x	x	x	x
22		Thôn Ít Nộc	x	x	x	x
23		Thôn Làng Mạc	x	x	x	x
24		Thôn Làng Nôm	x	x	x	x
25		Thôn Trung Đoàn	x	x	x	
26		Thôn Thái Hoà	x	x	x	
27		Thôn Nà Lộc 2	x	x	x	
28		Thôn Làng Chút	x	x	x	x
29		Thôn 1	x	x	x	
30		Thôn 2	x	x	x	
31		Thôn 5	x	x	x	
32		Thôn 6	x	x	x	
33		Thôn 7	x	x	x	
34		Thôn 8	x	x	x	
35		Thôn 9	x	x	x	
36		Thôn 11		x	x	
37		Thôn 13	x	x	x	
38		Thôn Nà Trang	x	x	x	x
39		Thôn Bản Coóc	x	x	x	x
40		Thôn Bản Mạ	x	x	x	x
(78)	Xã Võ Lao		33	38	38	21
1		Thôn Hạ	x	x	x	x
2		Thôn Thượng	x	x	x	x
3		Thôn Nậm Kẹn	x	x	x	x
4		Thôn Nậm Đình	x	x	x	x
5		Thôn Nậm Cầm	x	x	x	x
6		Thôn Nậm Lạn	x	x	x	x
7		Thôn Thôn Nậm Má	x	x	x	x
8		Thôn Thôn Nậm Trang	x	x	x	x
9		Thôn Chiềng 1	x	x	x	x
10		Thôn Chiềng 2	x	x	x	
11		Thôn Chiềng 3	x	x	x	
12		Thôn Chiềng 4	x	x	x	
13		Thôn Chiềng 5	x	x	x	
14		Thôn Bất 1	x	x	x	
15		Thôn Bất 2	x	x	x	
16		Thôn Ngầu 1	x	x	x	x
17		Thôn Ngầu 2	x	x	x	x
18		Thôn Ngầu 3	x	x	x	x
19		Thôn Loạc	x	x	x	
20		Thôn Thị Tứ	x	x	x	
21		Thôn Là 1	x	x	x	x
22		Thôn Là 2	x	x	x	x
23		Thôn Là 3	x	x	x	
24		Thôn Ёn 1	x	x	x	x
25		Thôn Ёn 2	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
26		Thôn Ân 3	x	x	x	x
27		Thôn Vinh 1	x	x	x	
28		Thôn Vinh 2	x	x	x	x
29		Thôn Lủ 1	x	x	x	
30		Thôn Lủ 2	x	x	x	x
31		Thôn Lủ 3	x	x	x	x
32		Thôn Lủ 4	x	x	x	x
33		Thôn Xuân Trung		x	x	
34		Thôn Tân Tiến		x	x	
35		Thôn Văn Xuân		x	x	
36		Thôn Xuân Hồng		x	x	
37		Thôn Văn Thủy		x	x	
38		Thôn Xuân Tiến	x	x	x	x
(79)	Xã Khánh Yên		28	28	28	13
1		Thôn Ổ	x	x	x	
2		Thôn Đồng Qua	x	x	x	
3		Thôn Khỗi Ngoa	x	x	x	
4		Thôn Lâm Sinh	x	x	x	
5		Thôn Phú Mậu	x	x	x	x
6		Thôn Liêm	x	x	x	
7		Thôn Khỗi Ai	x	x	x	x
8		Thôn Khỗi Mèo	x	x	x	x
9		Thôn Giằng	x	x	x	x
10		Thôn Xuân Khánh	x	x	x	
11		Thôn Lăng 1	x	x	x	
12		Thôn Phát Cườm	x	x	x	
13		Thôn Sung 1	x	x	x	
14		Thôn Bô 2	x	x	x	
15		Thôn Pắc Xung	x	x	x	
16		Thôn Độc Lập	x	x	x	
17		Thôn Bô 1	x	x	x	x
18		Thôn Bô	x	x	x	
19		Thôn Lăng 2	x	x	x	x
20		Thôn Sung 2	x	x	x	x
21		Thôn Nà Nheo	x	x	x	x
22		Thôn Làn 1	x	x	x	
23		Thôn Làn 2	x	x	x	
24		Thôn Bơ	x	x	x	x
25		Thôn Trung Tâm	x	x	x	x
26		Thôn Noong Khuẩn	x	x	x	x
27		Thôn Ân 1	x	x	x	x
28		Thôn Ân 2	x	x	x	x
(80)	Xã Dương Quỳ		18	18	18	11
1		Thôn Nà Hạch	x	x	x	
2		Thôn Nà Hin	x	x	x	
3		Thôn Nà Có	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
4		Thôn Bản Pầu	x	x	x	x
5		Thôn Bản Khoay	x	x	x	x
6		Thôn Khuân Đo	x	x	x	x
7		Thôn Tông Pháy	x	x	x	
8		Thôn Tông Hốc	x	x	x	
9		Thôn Tùn Dưới	x	x	x	x
10		Thôn Tùn Trên	x	x	x	x
11		Thôn Nậm Hốc	x	x	x	x
12		Thôn Pá Bó	x	x	x	
13		Thôn Trung Tâm	x	x	x	
14		Thôn Nậm Miện	x	x	x	x
15		Thôn Thẳm Con	x	x	x	x
16		Thôn Bản Thẳm	x	x	x	x
17		Thôn Bản Ngoang	x	x	x	x
18		Thôn Bản Bô	x	x	x	x
(81)	Xã Chiềng Ken		21	21	21	19
1		Thôn Chiềng 1+2	x	x	x	x
2		Thôn Chiềng 3	x	x	x	
3		Thôn Ken 1	x	x	x	x
4		Thôn Ken 2	x	x	x	
5		Thôn Ken 3	x	x	x	x
6		Thôn Bẻ 1	x	x	x	x
7		Thôn Bẻ 2	x	x	x	x
8		Thôn Bẻ 3	x	x	x	x
9		Thôn Bẻ 4	x	x	x	x
10		Thôn Hát Tình	x	x	x	x
11		Thôn Tăng Pậu	x	x	x	x
12		Thôn Đồng Vệ	x	x	x	x
13		Thôn Thi	x	x	x	x
14		Thôn Phúng	x	x	x	x
15		Thôn Vàng Mầu	x	x	x	x
16		Thôn Khe Nà	x	x	x	x
17		Thôn Khe Tào	x	x	x	x
18		Thôn Khe Cóc	x	x	x	x
19		Thôn Khe Vai	x	x	x	x
20		Thôn Phường Cong	x	x	x	x
21		Thôn Khe Păn	x	x	x	x
(82)	Xã Minh Lương		15	15	15	11
1		Thôn 1 Minh Thượng	x	x	x	x
2		Thôn 2 Minh Thượng	x	x	x	x
3		Thôn 3 Minh Thượng	x	x	x	
4		Thôn 1 Minh Chiềng	x	x	x	x
5		Thôn 2 Minh Chiềng	x	x	x	x
6		Thôn 3 Minh Chiềng	x	x	x	
7		Thôn 1 Minh Hạ	x	x	x	
8		Thôn 2 Minh Hạ	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
9		Thôn 3 Minh Hạ	x	x	x	x
10		Thôn Mả Sa Phìn	x	x	x	x
11		Thôn Phù Lá Ngải	x	x	x	x
12		Thôn Giàng Dứa Chải	x	x	x	x
13		Thon Phiêng Đóng	x	x	x	x
14		Thôn Nậm Van	x	x	x	x
15		Thôn Nà Hầm	x	x	x	x
(83)		Xã Nậm Chày	12	12	12	11
1		Thôn Hỏm Dưới	x	x	x	x
2		Thôn Hỏm Trên	x	x	x	x
3		Thôn Nậm Chày	x	x	x	x
4		Thôn Pờ Xì Ngải	x	x	x	x
5		Thôn Lán Bò	x	x	x	x
6		Thôn Khâm Dưới	x	x	x	x
7		Thôn Khâm Trên	x	x	x	x
8		Thôn Tà Mòng	x	x	x	x
9		Thôn Nậm Tăm	x	x	x	
10		Thôn Nậm Mười	x	x	x	x
11		Thôn Dăn Thàng	x	x	x	x
12		Thôn Nậm Cắn	x	x	x	x
(84)		Xã Nậm Xé	3	3	3	3
1		Thôn Ta Náng	x	x	x	x
2		Thôn Tu Hạ	x	x	x	x
3		Thôn Tu Thượng	x	x	x	x
(85)		Xã Bảo Yên	42	42	42	15
1		Thôn 1	x	x	x	
2		Thôn 2A	x	x	x	
3		Thôn 2B	x	x	x	
4		Thôn 3A	x	x	x	
5		Thôn 3B	x	x	x	
6		Thôn 4A	x	x	x	
7		Thôn 4B	x	x	x	
8		Thôn 5A	x	x	x	
9		Thôn 5B	x	x	x	
10		Thôn 6A	x	x	x	
11		Thôn 6B	x	x	x	
12		Thôn 7	x	x	x	
13		Thôn 8	x	x	x	
14		Thôn 9A	x	x	x	
15		Thôn 9B	x	x	x	
16		Thôn Vuộc	x	x	x	
17		Thôn Lương Hải	x	x	x	x
18		Thôn Chiềng 1	x	x	x	
19		Thôn Chiềng 2	x	x	x	
20		Thôn Pịt	x	x	x	
21		Thôn Phia	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
22		Thôn Khe Pịa	x	x	x	
23		Thôn Sài 1	x	x	x	
24		Thôn Sài 2	x	x	x	x
25		Thôn Mạ 1	x	x	x	
26		Thôn Mạ 2	x	x	x	
27		Thôn Múi 1	x	x	x	x
28		Thôn Múi 3	x	x	x	x
29		Thôn Lự	x	x	x	
30		Thôn Bát	x	x	x	
31		Thôn Chom	x	x	x	
32		Bản 1 Là	x	x	x	x
33		Bản 2 Là	x	x	x	x
34		Bản 3 Là	x	x	x	x
35		Bản 1 Vành	x	x	x	x
36		Bản 2 Vành	x	x	x	x
37		Bản 3 Vành	x	x	x	x
38		Bản 4 Vành	x	x	x	x
39		Bản 6 Vành	x	x	x	x
40		Bản 1 Thâu	x	x	x	x
41		Bản 2 Thâu	x	x	x	x
42		Bản 3 Thâu	x	x	x	x
(86)	Xã Nghĩa Đô		31	26	31	13
1		Thôn Lăng Đáp	x	x	x	
2		Thôn Bàn Ràng	x	x	x	
3		Thôn Bàn Hón	x	x	x	
4		Thôn Nặm Cầm	x	x	x	
5		Thôn Mường Kem	x		x	
6		Thôn Nà Khương	x	x	x	
7		Thôn Nà Đình	x		x	
8		Thôn Bàn Rịa	x	x	x	
9		Thôn Nà Luông	x	x	x	
10		Thôn Bàn Hốc	x	x	x	
11		Thôn Bàn Đon	x	x	x	x
12		Thôn Pác Bó	x	x	x	
13		Thôn Thâm Mạ	x	x	x	x
14		Thôn Nà Pồng	x		x	
15		Thôn Khuổi Vèng	x	x	x	
16		Thôn Khuổi Phường	x		x	
17		Thôn Pác Mạc	x		x	
18		Thôn Nặm Mược	x	x	x	x
19		Thôn Nặm Khạo	x	x	x	
20		Thôn Tổng Kim	x	x	x	x
21		Thôn Nặm Kỳ	x	x	x	x
22		Thôn Nặm Pạu	x	x	x	x
23		Thôn Nặm Ngò	x	x	x	
24		Thôn Thác Xa 1	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
25		Thôn Nậm Đầu	x	x	x	x
26		Thôn Nà Phung	x	x	x	x
27		Thôn Nậm Rĩa	x	x	x	
28		Thôn Nậm Dìn	x	x	x	x
29		Thôn Nậm Hu	x	x	x	x
30		Thôn Nậm Bết	x	x	x	x
31		Thôn Cán Chải	x	x	x	x
(87)	Xã Thượng Hà		30	30	30	7
1		Bản Mai 1	x	x	x	
2		Bản Mai 2	x	x	x	
3		Bản Mai 3	x	x	x	
4		Bản Minh Hải	x	x	x	
5		Bản Bon 1	x	x	x	
6		Bản Bon 2	x	x	x	
7		Bản Bon 4	x	x	x	
8		Bản 1	x	x	x	x
9		Bản 2	x	x	x	
10		Bản 3	x	x	x	
11		Bản 4	x	x	x	
12		Bản 5	x	x	x	
13		Bản Khao	x	x	x	
14		Bản Trà	x	x	x	
15		Bản Điện	x	x	x	x
16		Bản Trang	x	x	x	
17		Thôn 1 Mai Đào	x	x	x	
18		Thôn 3 Mai Đào	x	x	x	
19		Thôn 4 Mai Đào	x	x	x	
20		Thôn 5 Mai Đào	x	x	x	
21		Thôn 6 Mai Đào	x	x	x	
22		Thôn 7 Mai Đào	x	x	x	x
23		Thôn 9 Mai Đào	x	x	x	x
24		Thôn 1 Vải Siêu	x	x	x	x
25		Thôn 2 Vải Siêu	x	x	x	
26		Thôn 3 Vải Siêu	x	x	x	
27		Thôn 4 Vải Siêu	x	x	x	
28		Thôn 5 Vải Siêu	x	x	x	x
29		Thôn 6 Vải Siêu	x	x	x	x
30		Thôn 9 Vải Siêu	x	x	x	
(88)	Xã Xuân Hòa		30	30	30	27
1		Bản Mười	x	x	x	x
2		Bản Dầm	x	x	x	x
3		Bản Siêu Pang	x	x	x	x
4		Bản Qua 1	x	x	x	x
5		Bản Nà Đò	x	x	x	x
6		Bản Khuổi Ca	x	x	x	
7		Bản Mừng	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
8		Bản Mỏ Đá	x	x	x	
9		Bản Sắc Phạ	x	x	x	x
10		Bản Cau	x	x	x	x
11		Bản Cuông 3	x	x	x	x
12		Bản Cuông 2	x	x	x	x
13		Bản Cuông 1	x	x	x	x
14		Bản Chuân	x	x	x	x
15		Bản Sáo	x	x	x	x
16		Bản Mai Hạ	x	x	x	x
17		Bản Mai Chung	x	x	x	x
18		Bản Mai Thượng	x	x	x	x
19		Bản Xóm Hạ	x	x	x	x
20		Bản Xóm Thượng	x	x	x	x
21		Bản Nhâm	x	x	x	x
22		Bản Qua	x	x	x	x
23		Bản Mo 2	x	x	x	x
24		Bản Mo 1	x	x	x	x
25		Bản Hò	x	x	x	x
26		Bản Kẹm	x	x	x	x
27		Bản Lụ	x	x	x	x
28		Bản Mí	x	x	x	x
29		Bản Dao	x	x	x	x
30		Bản Vắc	x	x	x	x
(89)	Xã Phúc Khánh		18	19	19	10
1		Thôn Làng Nủ	x	x	x	x
2		Thôn Trĩ Trong	x	x	x	x
3		Thôn Trĩ Ngoài	x	x	x	
4		Thôn Làng Đầu	x	x	x	x
5		Thôn Đồng Mòng 2	x	x	x	
6		Thôn Đồng Mòng 1	x	x	x	
7		Thôn Cầu cóc	x	x	x	
8		Thôn Nà Phát	x	x	x	
9		Thôn Nà Khem	x	x	x	x
10		Thôn Tổng Vương	x	x	x	
11		Thôn Đầm Rụng	x	x	x	x
12		Thôn Trỡ	x	x	x	x
13		Thôn Bó	x	x	x	x
14		Thôn Việt Hải	x	x	x	
15		Thôn Cóc Khiêng	x	x	x	
16		Thôn Già Thượng	x	x	x	
17		Thôn Tân Bền	x	x	x	x
18		Thôn Già Hạ	x	x	x	x
19		Thôn Hàm Rông		x	x	x
(90)	Xã Bảo Hà		56	49	60	25
7		Thôn Liên Hà 5	x		x	x
9		Thôn Liên Hà 7	x	x	x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
11		Thôn Lùc	x	x	x	x
12		Thôn Bùn 1	x	x	x	
13		Thôn Bùn 2	x		x	
14		Thôn Bùn 3	x	x	x	
15		Thôn Bùn 4	x	x	x	
16		Thôn Tấp 1	x	x	x	
17		Thôn Tấp 2	x	x	x	
18		Thôn Chùn	x	x	x	x
19		Thôn Khoai 1	x	x	x	x
20		Thôn Khoai 2	x	x	x	x
21		Thôn Khoai 3	x	x	x	x
22		Thôn Bông 1-2	x	x	x	x
23		Thôn Bông 3	x	x	x	x
24		Thôn Bông 4	x	x	x	
25		Thôn Cao Sơn	x	x	x	x
26		Thôn 1 AB	x	x	x	
27		Thôn 2 AB	x	x	x	
28		Thôn 3 AB	x	x	x	
29		Thôn 4 AB	x	x	x	
30		Thôn 5 AB	x	x	x	
31		Thôn 6 AB	x	x	x	x
32		Thôn 7 AB	x	x	x	
34		Thôn 1 Tân Văn	x	x	x	
35		Thôn 2 Tân Văn	x	x	x	
36		Thôn Bảo Ân		x	x	
37		Thôn 1 Nhai Tền	x	x	x	x
38		Thôn 2 Nhai Tền	x	x	x	x
39		Thôn 2 Nhai Thổ	x	x	x	x
40		Thôn 3 Nhai Thổ	x	x	x	x
41		Thôn 4 Nhai Thổ	x	x	x	
42		Thôn Ủ Sóc	x	x	x	x
43		Thôn Bán Mai	x	x	x	
44		Thôn Khe Dài	x	x	x	
45		Thôn Tân Trúc	x		x	
46		Thôn Tân Lập	x	x	x	
47		Thôn Ngầm Thín	x	x	x	
48		Thôn Thùng 1	x	x	x	x
49		Thôn Thùng 2	x	x	x	x
50		Thôn Cam 3	x	x	x	x
52		Thôn Cam 2	x	x	x	x
53		Thôn cam 4		x	x	
54		Thôn Cam 1	x	x	x	
55		Thôn Cộn 1	x		x	x
56		Thôn Cộn 2	x		x	
57		Thôn Tân Tiến		x	x	
58		Thôn Bổng Buôn	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
59		Thôn Bổng 2	x	x	x	
61		Thôn Ly 1-2	x		x	x
62		Thôn Ly 2-3	x		x	x
63		Thôn Tân An 1	x		x	
65		Thôn Ba Soi	x		x	
66		Thôn Tân Sơn	x		x	x
67		Thôn Ba Xã	x	x	x	
68		Thôn Mai Hồng 1	x	x	x	
69		Thôn Mai Hồng 2	x	x	x	
70		Thôn Mai Hồng 3	x		x	x
71		Thôn Xuân Sang		x	x	
72		Thôn Khe Bàn	x	x	x	
(91)	Xã Bảo Thắng		48	27	48	6
1		Thôn Khe Đền 2	x	x	x	x
2		Thôn Mom Đào	x	x	x	x
3		Thôn Mom Đào 1	x	x	x	x
4		Thôn Hải Niên	x	x	x	
5		Thôn Cầu Xum	x	x	x	
6		Thôn Thái Niên	x	x	x	
7		Thôn Làng Giàng	x	x	x	
8		Thôn Múc	x	x	x	
9		Thôn Tân Thắng	x	x	x	
10		Thôn Báu	x	x	x	
11		Thôn Quyết Tâm	x	x	x	
12		Thôn Khe Dừng	x	x	x	
13		Thôn Khe Đền 1	x	x	x	x
14		Thôn Khe Mụ	x	x	x	
15		Thôn Làng Chung	x		x	
16		Thôn Trà Châu	x	x	x	
17		Thôn Làng Chung 1	x	x	x	x
18		Thôn Cổ Hải	x		x	
19		Thôn Khe Tắm	x	x	x	x
20		Thôn Phú Long 1	x	x	x	
21		Thôn Soi Chát	x		x	
22		Thôn Lướt	x	x	x	
23		Thôn Đo Ngoài	x	x	x	
24		Thôn Đồng Tâm	x		x	
25		Thôn Phú Long 2	x		x	
26		Thôn Số 1	x		x	
27		Thôn Số 2	x		x	
28		Thôn Số 3	x		x	
29		Thôn Phú Thành 3	x		x	
30		Thôn Phú Thành 4	x		x	
31		Thôn Phú Cường 1	x		x	
32		Thôn Phú Cường 2	x	x	x	
33		Thôn Phú Thịnh 1	x		x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
34		Thôn Phú Thịnh 2	x	x	x	
35		Thôn Phú Thịnh 3	x		x	
36		Thôn An Thành	x	x	x	
37		Thôn Tân Thành	x	x	x	
38		Thôn Tả Hà 1	x		x	
39		Thôn Tả Hà 2	x		x	
40		Thôn Tả Hà 3	x		x	
41		Thôn Khe Đền	x	x	x	
42		Thôn An Hồng	x		x	
43		Thôn An Trà	x	x	x	
44		Thôn An Thắng	x		x	
45		Thôn Cánh Địa	x		x	
46		Thôn An Tiến	x		x	
47		Thôn Nam Hải	x		x	
48		Thôn Lạng	x	x	x	
(92)		Xã Phong Hải	15	10	15	9
1		Thôn Vi Mã	x	x	x	x
2		Thôn Sín Chải	x	x	x	x
3		Thôn Khởi Khe	x	x	x	
4		Thôn Quy Ke	x	x	x	
5		Thôn Cốc Né	x	x	x	x
6		Thôn Ải Dống	x	x	x	
7		Thôn Tòng Già	x		x	x
8		Thôn Ải Nam	x	x	x	x
9		Thôn Tiên Phong	x		x	x
10		Thôn Sín Thèn	x	x	x	x
11		Thôn Nậm Chủ	x		x	
12		Thôn Nậm Choỏng	x		x	
13		Thôn Bản Cầm	x	x	x	x
14		Thôn Bản Lọt	x		x	x
15		Thôn Nậm Tang	x	x	x	
(93)		Xã Xuân Quang	30	33	38	2
1		Thôn Làng Bạc	x		x	
2		Thôn Làng My	x	x	x	
3		Thôn Làng Gạo	x		x	
4		Thôn Gốc Mít	x	x	x	
5		Thôn Hốc Đá	x	x	x	
6		Thôn Hang Đá	x	x	x	
7		Thôn Tân Quang		x	x	
8		Thôn Làng Lân	x	x	x	
9		Thôn Trang Nùng	x	x	x	
10		Thôn Thái Vô		x	x	
11		Thôn Nậm Dù		x	x	
12		Thôn Cửa Cải	x	x	x	
13		Thôn Cốc Pục	x	x	x	x
14		Thôn Xuân Quang 2	x		x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
15		Thôn Cầu Nhò		x	x	
16		Thôn Làng Èn	x	x	x	
17		Thôn Trì Thượng	x	x	x	
18		Thôn Quang Lập		x	x	
19		Thôn Tân Thượng	x	x	x	
20		Thôn Làng Trung		x	x	
21		Thôn Làng Mạ	x	x	x	
22		Thôn Làng Đào 2	x	x	x	
23		Thôn Cốc Tùm 1	x	x	x	
24		Thôn Cốc Tùm 2	x	x	x	
25		Thôn Cốc Sâm 1		x	x	
26		Thôn Cốc Sâm 2	x	x	x	
27		Thôn Cốc Sâm 5	x		x	
28		Thôn Cốc Sâm 4	x		x	
29		Thôn Làng Cung 1	x	x	x	
30		Thôn Làng Cung 3	x	x	x	
31		Thôn Làng Có 1	x	x	x	
32		Thôn Làng Có 2	x	x	x	
33		Thôn An Hồ	x	x	x	
34		Thôn Xá Hồ		x	x	
35		Thôn Cán Hồ	x	x	x	
36		Thôn Phìn Giàng	x	x	x	x
37		Thôn Tân Phong	x	x	x	
38		Thôn Cốc Toòng	x	x	x	
(94)	Xã Tăng Loỏng		19	26	26	3
1		Thôn Làng Đền	x	x	x	
2		Thôn Khe Bá	x	x	x	
3		Thôn Phú An 1		x	x	
4		Thôn Phú Hải 1		x	x	
5		Thôn Nhuần 1	x	x	x	
6		Thôn Nhuần 2	x	x	x	
7		Thôn Nhuần 3	x	x	x	
8		Thôn Nhuần 4	x	x	x	
9		Thôn Nhuần 6	x	x	x	
10		Thôn Tân Lập	x	x	x	
11		Thôn Phú Thịnh 1	x	x	x	
12		Thôn Phú Thịnh 2	x	x	x	
13		Thôn Phú Thịnh 3		x	x	
14		Thôn Phú Lâm	x	x	x	
15		Thôn Phú Sơn	x	x	x	
16		Thôn Đầu Nhuần	x	x	x	x
17		Thôn Phú Hà 1		x	x	
18		Thôn Phú Hà 2		x	x	
19		Thôn Phú Hợp 1	x	x	x	
20		Thôn Phú Hợp 2		x	x	
21		Thôn Trát 1	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
22		Thôn Trát 2	x	x	x	x
23		Thôn Tăng Loỏng	x	x	x	
24		Thôn 6	x	x	x	
25		Thôn 8	x	x	x	
26		Thôn 9		x	x	
(95)	Xã Gia Phú		42	21	42	2
1		Thôn Tiến Cường	x	x	x	
2		Thôn Tân Tiến	x		x	
3		Thôn Giao Ngay	x		x	
4		Thôn Giao Tiến	x		x	
5		Thôn Thái Bo	x	x	x	
6		Thôn Hòa Lạc	x		x	
7		Thôn Tiến Thắng	x		x	
8		Thôn Mường Bát	x	x	x	
9		Thôn An Thành	x	x	x	
10		Thôn Khe Luộc	x	x	x	
11		Thôn Bản Cam	x	x	x	
12		Thôn Phú Hùng	x	x	x	
13		Thôn Chang	x	x	x	
14		Thôn Muồng	x	x	x	
15		Thôn Cáp Kẹ	x	x	x	
16		Thôn Nậm Hèn	x		x	
17		Thôn Đông Cầm	x		x	
18		Thôn Hùng Thắng	x		x	
19		Thôn Bến Phà	x		x	
20		Thôn Phú Xuân	x		x	
21		Thôn Chính Tiến	x	x	x	
22		Thôn Soi Cờ	x		x	
23		Thôn Đồng Lục	x		x	
24		Thôn Bản Bay	x		x	
25		Thôn Xuân Tư	x	x	x	
26		Thôn Xuân Lý	x		x	
27		Thôn Tả Thàng	x		x	
28		Thôn Nậm Trà	x	x	x	x
29		Thôn Nậm Phàng	x	x	x	x
30		Thôn Tiến Lợi	x	x	x	
31		Thôn Vàng	x	x	x	
32		Thôn Giao Bình	x	x	x	
33		Thôn Phèo	x	x	x	
34		Thôn Hùng Xuân 1	x		x	
35		Thôn Hùng Xuân 2	x		x	
36		Thôn Mường 1	x		x	
37		Thôn Mường 2	x	x	x	
38		Thôn Hợp Giao	x		x	
39		Thôn Tân Lợi	x	x	x	
40		Thôn Mỏ	x		x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
41		Thôn Chành	x		x	
42		Thôn Cù Hà	x	x	x	
(96)	Phường Cam Đường		37	0	37	0
1		TDP Công trường 5	x		x	
2		TDP Tát	x		x	
3		TDP Dạ 1	x		x	
4		TDP Dạ 2	x		x	
5		TDP Đất Đền	x		x	
6		TDP Suối Ngàn	x		x	
7		TDP Nhón 1	x		x	
8		TDP Nhón 2	x		x	
9		TDP Dốc Đỏ	x		x	
10		TDP Thác	x		x	
11		TDP Vạch	x		x	
12		TDP Sơn Lâu	x		x	
13		TDP số 06 Xuân Tăng	x		x	
14		TDP số 07 Xuân Tăng	x		x	
15		TDP số 14 Xuân Tăng	x		x	
16		TDP số 19 Pom Hán	x		x	
17		TDP số 25 Pom Hán	x		x	
18		TDP số 28 Pom Hán	x		x	
19		TDP số 29 Pom Hán	x		x	
20		TDP số 11 Bắc Cường	x		x	
21		TDP số 14 Bắc Cường	x		x	
22		TDP số 15 Bắc Cường	x		x	
23		TDP số 18 Bắc Cường	x		x	
24		TDP số 19 Bắc Cường	x		x	
25		TDP số 21 Bắc Cường	x		x	
26		TDP số 30 Bắc Cường	x		x	
27		TDP số 1 Nam Cường	x		x	
28		TDP số 6 Nam Cường	x		x	
29		TDP số 8 Nam Cường	x		x	
30		TDP số 11 Nam Cường	x		x	
31		TDP số 12 Nam Cường	x		x	
32		TDP số 14 Nam Cường	x		x	
33		TDP số 16 Nam Cường	x		x	
34		TDP số 17 Nam Cường	x		x	
35		TDP số 11 Bình Minh	x		x	
36		TDP số 13a Bình Minh	x		x	
37		TDP số 17 Bình Minh	x		x	
(97)	Phường Lào Cai		15	0	15	0
1		Tổ Bản Phiệt	x		x	
2		Tổ Làng Chung, Bản Phiệt	x		x	
3		Tổ Cốc Lầy, Bản Phiệt	x		x	
4		Tổ Nậm Sưu, Bản Phiệt	x		x	
5		Tổ Nậm Sò, Bản Phiệt	x		x	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
6		Tổ K8, Bản Phiệt	x		x	
7		Tổ Bản Quẩn, Bản Phiệt	x		x	
8		Tổ Pạc Tà, Bản Phiệt	x		x	
9		Tổ Giang Đông 2, Vạn Hoà	x		x	
10		Tổ Cầu Xum, Vạn Hoà	x		x	
11		Tổ Cánh Chén, Vạn Hoà	x		x	
12		Tổ 2 Cốc Lều	x		x	
13		Tổ 4 Duyên Hải	x		x	
14		Tổ 6 Duyên Hải	x		x	
15		Tổ 25 Lào Cai	x		x	
(98)	Xã Cốc San		18	15	19	6
1		Thôn Tả Hồ	x	x	x	x
2		Thôn Sáo Tòng Sành	x	x	x	x
3		Thôn Tả Tòng Sành	x	x	x	x
4		Thôn Chu Cang Hồ	x	x	x	x
5		Thôn Láo Vàng Chải	x	x	x	x
6		Thôn Ky Công Hồ	x	x	x	x
7		Thôn Tòng Xanh	x	x	x	
8		Thôn Tòng Xanh 1	x	x	x	
9		Thôn Tòng Chú	x	x	x	
10		Thôn Tòng Chú 3		x	x	
11		Thôn Luổng Đơ	x	x	x	
12		Thôn Ún Tả	x	x	x	
13		Thôn Luổng Láo 1	x	x	x	
14		Thôn Luổng Láo 2	x	x	x	
15		Thôn Tòng Môn	x		x	
16		Thôn Giàng Thàng	x		x	
17		Thôn Cùm Thượng 1	x		x	
18		Thôn Cùm Hạ 1	x	x	x	
19		Thôn Cùm Hạ 2	x		x	
(99)	Xã Hợp Thành		28	30	30	8
1		Thôn Pèng 1	x	x	x	
2		Thôn Pèng 2	x	x	x	
3		Thôn Cáng 1	x	x	x	
4		Thôn Cáng 2	x	x	x	
5		Thôn Bắc Công	x	x	x	
6		Thôn Tượng 1	x	x	x	
7		Thôn Tượng 2	x	x	x	
8		Thôn Tượng 3	x	x	x	
9		Thôn Kíp Tước 1	x	x	x	
10		Thôn Kíp Tước 2	x	x	x	
11		Thành Châu	x	x	x	
12		Thôn Nậm Rịa	x	x	x	x
13		Thôn Phìn Hồ	x	x	x	x
14		Thôn Ú Xì Sung	x	x	x	x
15		Thôn Pèng	x	x	x	x

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn	Thôn		Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Thôn đặc biệt khó khăn
			Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi		
16		Thôn Làng Mới	x	x	x	x
17		Thôn Xéo Tả 1	x	x	x	x
18		Thôn Xéo Tả 2	x	x	x	x
19		Thôn Láo Lý	x	x	x	x
20		Thôn Đá Đỉnh 1	x	x	x	
21		Thôn Đá Đỉnh 2	x	x	x	
22		Thôn Phời 2	x	x	x	
23		Thôn Phời 3	x	x	x	
24		Thôn Cóc 1	x	x	x	
25		Thôn Cóc 2	x	x	x	
26		Thôn Cuống	x	x	x	
27		Thôn Phân Lân	x	x	x	
28		Thôn Hèo -Trang	x	x	x	
29		Thôn Đoàn Kết		x	x	
30		Thôn Lấp Máy		x	x	

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH XÃ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, XÃ KHU VỰC I, II, III
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số: 2752/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
		Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi			Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn
I	TỔNG CỘNG	95	83	95	95	2.438	1.033
-	Thôn vùng DTTS&MN nằm ngoài xã khu vực I, II, III					8	-
-	Xã khu vực I	12	7	12	12	405	18
-	Xã khu vực II	36	30	36	36	1.050	292
-	Xã khu vực III	47	46	47	47	975	723
II	CHI TIẾT CÁC XÃ						
1	Phường Văn Phú	Không đạt	Không đạt	Không đạt		4	-
2	Phường Yên Bái	Không đạt	Không đạt	Không đạt		4	-
3	Phường Nam Cường	Không đạt	Không đạt	Không đạt		-	-
4	Phường Âu Lâu	Không đạt	Không đạt	Không đạt		-	-
5	Phường Nghĩa Lộ	Đạt	Đạt	Đạt	I	35	6
6	Phường Trung Tâm	Đạt	Đạt	Đạt	I	46	1
7	Xã Xuân Ái	Đạt	Đạt	Đạt	I	28	-
8	Xã Lục Yên	Đạt	Đạt	Đạt	I	44	-
9	Xã Yên Bình	Đạt	Không Đạt	Đạt	I	13	-
10	Xã Trấn Yên	Đạt	Đạt	Đạt	I	50	-
11	Xã Quy Mông	Đạt	Không đạt	Đạt	I	25	-
12	Xã Bảo Thắng	Đạt	Không đạt	Đạt	I	48	6
13	Xã Xuân Quang	Đạt	Đạt	Đạt	I	38	2

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
		Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi			Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn
14	Xã Tăng Loỏng	Đạt	Đạt	Đạt	I	26	3
15	Phường Cam Đường	Đạt	Không đạt	Đạt	I	37	-
16	Phường Lào Cai	Đạt	Không đạt	Đạt	I	15	-
17	Phường Sa Pa	Đạt	Đạt	Đạt	II	27	10
18	Xã Liên Sơn	Đạt	Đạt	Đạt	II	20	1
19	Phường Cầu Thia	Đạt	Đạt	Đạt	II	39	12
20	Xã Văn Chấn	Đạt	Đạt	Đạt	II	36	15
21	Xã Thượng Bằng La	Đạt	Đạt	Đạt	II	23	7
22	Xã Chấn Thịnh	Đạt	Đạt	Đạt	II	34	7
23	Xã Châu Quế	Đạt	Đạt	Đạt	II	16	2
24	Xã Lâm Giang	Đạt	Đạt	Đạt	II	16	5
25	Xã Đông Cuông	Đạt	Không đạt	Đạt	II	17	-
26	Xã Mậu A	Đạt	Đạt	Đạt	II	41	-
27	Xã Mường Lai	Đạt	Không đạt	Đạt	II	36	1
28	Xã Thác Bà	Đạt	Đạt	Đạt	II	43	4
29	Xã Bảo Ái	Đạt	Không Đạt	Đạt	II	28	-
30	Xã Hưng Khánh	Đạt	Đạt	Đạt	II	24	3
31	Xã Lương Thịnh	Đạt	Không đạt	Đạt	II	24	-
32	Xã Việt Hồng	Đạt	Không đạt	Đạt	II	24	-
33	Xã Bảo Yên	Đạt	Đạt	Đạt	II	42	15

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
		Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi			Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn
34	Xã Gia Phú	Đạt	Không đạt	Đạt	II	42	2
35	Xã Hợp Thành	Đạt	Đạt	Đạt	II	30	8
36	Xã Cẩm Nhân	Đạt	Đạt	Đạt	II	24	10
37	Xã Yên Thành	Đạt	Đạt	Đạt	II	20	9
38	Xã Gia Hội	Đạt	Đạt	Đạt	II	20	9
39	Xã Nghĩa Tâm	Đạt	Đạt	Đạt	II	31	15
40	Xã Phong Dụ Hạ	Đạt	Đạt	Đạt	II	10	4
41	Xã Tân Hợp	Đạt	Đạt	Đạt	II	14	6
42	Phong Dụ Thượng	Đạt	Đạt	Đạt	II	8	3
43	Xã Tân Lĩnh	Đạt	Đạt	Đạt	II	29	13
44	Xã Khánh Hòa	Đạt	Đạt	Đạt	II	30	5
45	Xã Bắc Hà	Đạt	Đạt	Đạt	II	59	29
46	Xã Bản Lầu	Đạt	Đạt	Đạt	II	36	14
47	Xã Bát Xát	Đạt	Đạt	Đạt	II	47	14
48	Xã Mường Bo	Đạt	Đạt	Đạt	II	16	7
49	Xã Bản Hồ	Đạt	Đạt	Đạt	II	16	6
50	Xã Văn Bàn	Đạt	Đạt	Đạt	II	40	18
51	Xã Khánh Yên	Đạt	Đạt	Đạt	II	28	13
52	Xã Bảo Hà	Đạt	Đạt	Đạt	II	60	25
53	Xã Phong Hải	Đạt	Không Đạt	Đạt	III	15	9

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
		Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi			Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn
54	Xã Khao Mang	Đạt	Đạt	Đạt	III	13	11
55	Xã Mù Cang Chải	Đạt	Đạt	Đạt	III	22	16
56	Xã Púng Luông	Đạt	Đạt	Đạt	III	25	24
57	Xã Chế Tạo	Đạt	Đạt	Đạt	III	6	4
58	Xã Lao Chải	Đạt	Đạt	Đạt	III	14	14
59	Xã Nậm Có	Đạt	Đạt	Đạt	III	11	9
60	Xã Trạm Tấu	Đạt	Đạt	Đạt	III	18	17
61	Xã Hạnh Phúc	Đạt	Đạt	Đạt	III	19	12
62	Xã Phình Hồ	Đạt	Đạt	Đạt	III	15	15
63	Xã Tà Xi Láng	Đạt	Đạt	Đạt	III	5	5
64	Xã Tú Lệ	Đạt	Đạt	Đạt	III	16	6
65	Xã Sơn Lương	Đạt	Đạt	Đạt	III	23	20
66	Xã Cát Thịnh	Đạt	Đạt	Đạt	III	17	6
67	Xã Mỏ Vàng	Đạt	Đạt	Đạt	III	16	14
68	Xã Lâm Thượng	Đạt	Đạt	Đạt	III	31	11
69	Xã Phúc Lợi	Đạt	Đạt	Đạt	III	25	12
70	Xã Si Ma Cai	Đạt	Đạt	Đạt	III	35	33
71	Xã Sín Chéng	Đạt	Đạt	Đạt	III	20	20
72	Xã Cốc Lầu	Đạt	Đạt	Đạt	III	22	22
73	Xã Bảo Nhai	Đạt	Đạt	Đạt	III	37	34

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
		Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Miền núi			Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn
74	Xã Bản Liên	Đạt	Đạt	Đạt	III	11	11
75	Xã Tả Cù Tỷ	Đạt	Đạt	Đạt	III	15	15
76	Xã Lũng Phình	Đạt	Đạt	Đạt	III	20	18
77	Xã Mường Khương	Đạt	Đạt	Đạt	III	53	35
78	Xã Pha Long	Đạt	Đạt	Đạt	III	35	35
79	Xã Cao Sơn	Đạt	Đạt	Đạt	III	33	33
80	Xã Mường Hum	Đạt	Đạt	Đạt	III	14	12
81	Xã Dền Sáng	Đạt	Đạt	Đạt	III	19	13
82	Xã Y Tý	Đạt	Đạt	Đạt	III	25	16
83	Xã A Mú Sung	Đạt	Đạt	Đạt	III	14	14
84	Xã Trịnh Tường	Đạt	Đạt	Đạt	III	27	22
85	Xã Bản Xèo	Đạt	Đạt	Đạt	III	15	15
86	Xã Tả Phìn	Đạt	Đạt	Đạt	III	14	6
87	Xã Tả Van	Đạt	Đạt	Đạt	III	23	19
88	Xã Ngũ Chỉ Sơn	Đạt	Đạt	Đạt	III	16	6
89	Xã Võ Lao	Đạt	Đạt	Đạt	III	38	21
90	Xã Dương Quỳ	Đạt	Đạt	Đạt	III	18	11
91	Xã Chiềng Ken	Đạt	Đạt	Đạt	III	21	19
92	Xã Minh Lương	Đạt	Đạt	Đạt	III	15	11
93	Xã Nậm Chày	Đạt	Đạt	Đạt	III	12	11

94	Xã Nậm Xé	Đạt	Đạt	Đạt	III	3	3
95	Xã Nghĩa Đô	Đạt	Đạt	Đạt	III	31	13
96	Xã Thượng Hà	Đạt	Đạt	Đạt	III	30	7
97	Xã Xuân Hòa	Đạt	Đạt	Đạt	III	30	27
98	Xã Phúc Khánh	Đạt	Đạt	Đạt	III	19	10
99	Xã Cốc San	Đạt	Đạt	Đạt	III	19	6